

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC DUY TÂN



**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

CHUYÊN NGÀNH:

DƯỢC LIỆU – DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

MÃ NGÀNH: 8720206

Đà Nẵng, năm 2020

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2020

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

- Tên ngành đào tạo : Dược liệu – Dược học cổ truyền
- Mã số : 8720206
- Tên cơ sở đào tạo : Trường Đại học Duy Tân

PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ ĐẠI HỌC DUY TÂN

1.1. Đặc điểm, tình hình

- Trụ sở chính: Số 03 Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: (0236) 3656109; Fax: (0236) 3650443.

Website: <http://www.dtu.edu.vn>; Email: vanphong@duytan.edu.vn

Quá trình thành lập và phát triển:

Trường Đại học Duy Tân được thành lập ngày 11/11/1994 trên cơ sở Trường Đại học Dân lập Duy Tân theo Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2015, Trường đã chuyển đổi sang loại hình Tư thục theo Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi có quyết định chuyển đổi, Trường đã tổ chức hoạt động theo loại hình trường Tư thục. Trường chịu sự quản lý trực tiếp về chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quản lý hành chính theo lãnh thổ của UBND thành phố Đà Nẵng.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ

a) Chức năng

Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

b) Nhiệm vụ

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển cơ sở giáo dục đại học;

Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;

Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo;

Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động;

Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, viên chức, nhân viên, cán bộ quản lý và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục;

Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục.

c) Các giá trị cốt lõi

Tôn chỉ: Tất cả vì quyền lợi học tập, nghiên cứu và việc làm của sinh viên đáp ứng nhu cầu xã hội, khu vực và quốc tế.

Sứ mạng: Đào tạo, Nghiên cứu gắn liền với Khoa học và Công nghệ nhằm tạo ra những Sinh viên và Học viên có lòng yêu nước, có phẩm chất Nhân văn mang đậm Bản sắc Việt Nam, có ý thức sinh hoạt cộng đồng, có sức khỏe, có năng lực và kỹ năng toàn diện, tự tin, năng động, sáng tạo và trở thành công dân khởi nghiệp mang tính toàn cầu.

Tầm nhìn: Đến năm 25, 30 của thế kỷ này, Trường Đại học Duy Tân là một tập đoàn đào tạo và nghiên cứu gắn liền với thương mại dịch vụ trên nền nhân văn - hiện đại mà cốt lõi là Văn hóa Duy Tân và nằm trong топ 20 trường đại học hàng đầu của Việt Nam.

Mục tiêu: Nằm trong top 300 trường đại học tốt nhất Châu Á theo xếp hạng của QS và theo xếp hạng của Time Higher Education vào năm 2022; đạt danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới vào năm 2025.

1.3. Hoạt động của Trường Đại học Duy Tân từ ngày thành lập đến nay (1994-2020)

Trong thời gian qua, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của UBND thành phố Đà Nẵng, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng với sự nỗ lực phấn đấu không ngừng, Trường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu đưa Trường phát triển trở thành trường đại học top đầu của Việt Nam. Sau hơn 25 năm xây dựng và phát triển, Trường đã đạt được những thành tích rất đáng tự hào:

1) Top 400 đại học châu Á năm 2020 theo xếp hạng QS Ranking (Việt Nam có 8 cơ sở đại học được xếp hạng);

2) Xếp thứ 3 Việt Nam và thứ 1.147 các đại học thế giới năm 2019, 2020 về thành tựu học thuật theo xếp hạng của URAP (Univesity Ranking by Academic Peformance);

3) Top 5 các cơ sở đại học về nghiên cứu của Việt Nam theo xếp hạng của Trường được tạp chí Nature Index;

4) Là 1 trong 3 cơ sở đại học của Việt Nam được ABET, tổ chức kiểm định hàng đầu của Hoa Kỳ, công nhận đạt kiểm định chất lượng theo chuẩn quốc tế đối với 2 chương trình Kỹ thuật mạng và Hệ thống thông tin quản lý;

5) Được Nhà nước tặng thưởng phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động hạng Nhất cho tập thể Nhà trường và Huân chương Lao động hạng Ba cho cá nhân Hiệu trưởng.

II. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH DƯỢC LIỆU – DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, trường Đại học Duy Tân đã tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền. Kết quả khảo sát cho thấy rằng: Việc mở ngành đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền là một trong những chiến lược phát triển khối ngành khoa học sức khỏe của trường Đại học Duy Tân và đã được Hội đồng trường quyết nghị thông qua.

Việc khảo sát về nhu cầu đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền trong các ban ngành, đoàn thể thuộc hệ thống quản lý nhà nước về lĩnh vực Dược; trong các trường đại học, viện nghiên cứu; các doanh nghiệp Dược, bệnh viện, kết quả 100% phiếu phát ra đều đánh giá sự cần thiết phải có ngành đào tạo về Thạc sĩ chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền.

TT	Lĩnh vực được khảo sát	Nhu cầu cần Thạc sĩ chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền trong giai đoạn 2020-2025
1	Quản lý nhà nước (3 phiếu)	10
2	Bệnh viện (2 phiếu)	20
3	Công ty Dược (2 phiếu)	15
4	Viện Dược liệu (3 phiếu)	15
5	Viện kiểm nghiệm (2 phiếu)	10
6	Trường Đại học (2 phiếu)	15

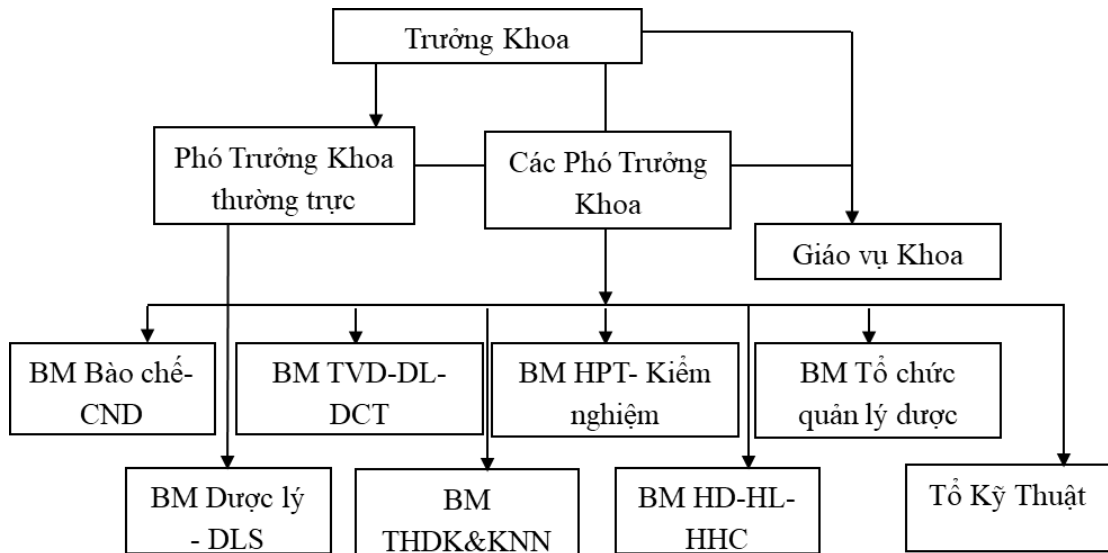
III. GIỚI THIỆU VỀ ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN TRỰC TIẾP ĐẢM NHẬN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH DƯỢC LIỆU – DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

3.1. Giới thiệu về khoa Dược

3.1.1. Cơ cấu nhân sự của khoa

Khoa Dược được thành lập vào ngày 10/12/2012. Cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên, dưới sự lãnh đạo của Ban Giám hiệu nhà trường, Khoa ngày càng khẳng định được vị thế của mình. Năm đầu mới thành lập Khoa chỉ thu hút được hơn 100 sinh viên đến học. Đến nay, Khoa Dược đại học Duy Tân đã thực sự trở thành nơi đáng tin cậy cho hàng trăm học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học từ các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên đến để học tập.

Lực lượng của Khoa luôn không ngừng phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, ngoài việc xây dựng lực lượng giảng viên phục vụ công tác đào tạo, trong khoa còn có nhiều giảng viên hiện đang kiêm nhiệm công tác quản lý tại các đơn vị, phòng ban của trường.



Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức khoa Dược

Hiện nay toàn khoa có 83 giảng viên, trợ giảng, nhân viên được phân bổ như sau:

- + Bộ môn Bào chế- Công nghiệp Dược: 11 thành viên
- + Bộ môn Dược lý- Dược lâm sàng: 12 thành viên
- + Bộ môn Thực vật-Dược liệu- Dược cổ truyền: 18 thành viên
- + Bộ môn Hóa phân tích-Kiểm nghiệm: 8 thành viên
- + Bộ môn Thực hành dược khoa & Kỹ năng nghề: 5 thành viên
- + Bộ môn Tổ chức quản lý Dược: 10 thành viên
- + Bộ môn Hóa Dược- Hóa lý-Hóa hữu cơ: 10 thành viên
- + Tổ Kỹ thuật: 8 thành viên
- + Bộ phận Giáo vụ, Văn phòng: 1 thành viên

Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu của khoa, trường còn có các thầy cô từ các khoa như: Khoa Khoa học tự nhiên giảng dạy các môn khoa học cơ bản, Khoa Y dạy các môn Y học cơ sở, Trung tâm Nghiên cứu phát triển của trường và đội ngũ giảng viên cơ hữu B là các PGS.TS từ các cơ sở, viện nghiên cứu có uy tín về đào tạo sau đại học ngành Dược có trình độ cao, Dược sĩ chuyên khoa II từ các doanh nghiệp, cơ quan quản lý về Dược.

3.1.2. Công tác tuyển sinh của Khoa giai đoạn 2012-2020:

Từ năm 2012 đến nay, tình hình tuyển sinh các ngành do khoa đào tạo thường xuyên đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Qua 7 khoá tuyển sinh, tổng số sinh viên trúng tuyển toàn khoa là 2.925 sinh viên.

Tính đến năm học 2019-2020, khoa đã có 4 khóa sinh viên tốt nghiệp với số lượng 1565 sinh viên.

Với số lượng sinh viên tốt nghiệp nêu trên, cùng với số sinh viên tốt nghiệp từ các trường đào tạo Dược sĩ đại học khác, đây sẽ là nguồn cung ứng thí sinh dồi dào đối với các chương trình đào tạo sau đại học chuyên ngành Điều liệu – Dược học cổ truyền.

3.1.3. Về tình hình nhân sự

Qua hơn 25 năm xây dựng, đến nay đội ngũ giảng viên, trợ giảng và nhân viên cơ hữu của trường tham gia giảng dạy và sinh hoạt chuyên môn tại Khoa có 83 thành viên; gồm 5 Phó giáo sư, 12 tiến sĩ, 1 DSKKII, 17 Thạc sĩ, 5 DSKKI và 25 học viên Cao học chuyên ngành Dược học.

3.2. Giới thiệu về Khoa Sau Đại học

Khoa Sau Đại học có biên chế gồm 1 trưởng khoa, 2 phó trưởng khoa, 1 giáo vụ và 5 chuyên viên. Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ có 1 PGS.TS, 5 Tiến sĩ, 2 đang làm nghiên cứu sinh năm cuối, 2 thạc sĩ và 1 cử nhân.

Khoa Sau đại học đảm nhận quản lý các hoạt động đào tạo các cấp bậc đào tạo Sau đại học của nhà trường, gồm các chương trình đào tạo của trường, các chương trình liên kết trong nước và ngoài nước, cụ thể: 05 chuyên ngành Tiến sĩ, 08 chuyên ngành thạc sĩ

IV. LÝ DO ĐỀ NGHỊ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH DƯỢC LIỆU – DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN

Thứ nhất, về quy mô, sự mở rộng đào tạo đại học của Trường Đại học Duy Tân, của các trường đại học khác nói chung và tình hình Đào tạo Dược sĩ Đại học trong cả nước nói riêng, cùng với lộ trình xã hội hóa ngành Y tế đến năm 2030 của đất nước đòi hỏi phải chuẩn bị một đội ngũ có chuyên môn về Dược cao. Mặt khác, đối với khu vực miền Trung và Tây Nguyên hiện nay, chưa có trường Đại học Dược nào đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền.

Thứ hai, Qua hơn 25 năm xây dựng và phát triển, đào tạo đại học của Trường Đại học Duy Tân đã có sự chuyển biến mạnh mẽ; các ngành và chuyên ngành đào tạo được cơ cấu lại theo xu hướng mở rộng; nội dung, chương trình đào tạo được đổi mới nhằm đáp ứng nhu cầu của thực tiễn trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới. Trường đã đào tạo trình độ đại học ngành Dược học từ năm 2012 và tính đến tháng 7 năm 2020 đã có 4 khóa tốt nghiệp đại học chính quy với hơn 2000 sinh viên tốt nghiệp. Phần lớn các sinh viên tốt nghiệp đại học đều mong muốn được tiếp tục theo học ở hệ Thạc sĩ. Đồng thời, Miền Trung - Tây Nguyên là vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển các vùng dược liệu trọng điểm: diện tích khá lớn, địa hình đa dạng thổ nhưỡng phù hợp với nhiều loại cây dược liệu. Đây cũng là vùng đa dân tộc, đa văn hóa, người dân có nhiều kinh nghiệm trong sử dụng các loài cây cỏ làm thuốc. Phát huy những tiềm năng, lợi thế đó, nhiều tỉnh, thành phố trong khu vực đã từng bước xây dựng các đề án chiến lược phát triển dược liệu, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong các khâu từ nuôi trồng đến chế biến dược liệu. Vì vậy, đào tạo Thạc sĩ Dược liệu – Dược học cổ truyền là phù hợp với tiềm năng của địa phương và xu hướng phát triển của ngành Dược.

Thứ ba, Đội ngũ giảng viên của Trường tham gia vào công tác đào tạo sinh viên khoa Dược thuộc ngành Dược học và các ngành khác gồm nhiều phó giáo sư, tiến sĩ, đang tham gia giảng dạy tại một số trường đại học, Viện nghiên cứu, với nhiều năm tham gia công tác đào tạo sau đại học tại nhiều trường đại học, Viện nghiên cứu. Với đội ngũ đã chuẩn bị, giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Duy Tân có thể đảm nhận trên 70% khối lượng đào tạo sau đại học chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền.

Thứ tư, Cơ sở vật chất kỹ thuật cho đào tạo ngành đã được tăng cường và hiện đại. với hệ thống phòng thực hành và thư viện, Trường đang tiếp tục đầu tư 10 phòng thực hành cho các chuyên ngành đào tạo bậc đại học và sau đại học. Phòng bảo vệ luận văn, luận án cũng đã được hình thành với các trang thiết bị hiện đại.

Hệ thống 03 thư viện, được trang bị hiện đại gồm 194.012 đầu sách, tạp chí, ebook..., 85 máy tính, hơn 50 máy đọc sách điện tử với đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, tạp chí chuyên ngành đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác học tập nghiên cứu tại Thư viện. Thư viện đã sử dụng phần mềm trong

công tác quản lý, hỗ trợ tra cứu tài liệu (<http://elib.dtu.edu.vn>). Bên cạnh Thư viện truyền thống, Trường đã xây dựng thư viện điện tử với 160.000 tài liệu điện tử (<http://thuvienso.edu.vn>) và kết nối với các cơ sở dữ liệu toàn văn trong nước và quốc tế như: <http://tailieu.vn>; Science@Direct; Springerlink ; Proquest Central ; IEEE...

Thư viện thường xuyên tổ chức các hoạt động để thu hút sinh viên như triển lãm sách, tọa đàm kỹ năng đọc sách hiệu quả, cuộc thi tranh luận. Thư viện thực hiện chính sách mở cửa 4 ca phục vụ người đọc, kể cả thứ bảy và chủ nhật. Thư viện đã tiến hành khảo sát và nhận được đánh giá cao của bạn đọc về mức độ đáp ứng yêu cầu của thư viện đối với bạn đọc. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 90% sinh viên, giảng viên hài lòng về mức độ đáp ứng tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu của thư viện

Thứ năm, về tổ chức bộ máy: Từ năm 2008, Trường đã thành lập Khoa Sau đại học phụ trách đào tạo Sau đại học của Trường. Qua hơn 10 năm thành lập, Trường đã được Bộ GD-ĐT cấp phép đào tạo 5 ngành Tiến sĩ, 8 ngành Thạc sĩ. Trong đó, đã được cấp phát đào tạo Thạc sĩ Tổ chức quản lý Dược từ năm 2018 và hiện đang hoàn thiện khóa tốt nghiệp đầu tiên.

Bên cạnh đó, Trường Đại học Duy Tân có Tạp chí Khoa học Công nghệ phục vụ công tác nghiên cứu giảng dạy cho giảng viên, nghiên cứu viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Trong thời gian qua, Trường Đại học Duy Tân tiếp tục tiến hành các bước và xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo để mở thêm chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ Dược liệu – Dược học cổ truyền, cụ thể là:

- Hoàn thiện việc xây dựng mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình cho chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ Dược liệu – Dược học cổ truyền theo hướng dẫn của Bộ.
- Biên soạn đề cương chi tiết cho tất cả các môn học theo chương trình chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ Dược liệu – Dược học cổ truyền.
- Tổng hợp thành tập Đề án đăng ký mở chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ Dược liệu – Dược học cổ truyền.

Xuất phát từ nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực có trình độ Sau đại học chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền và khả năng đáp ứng của Trường Đại học Duy Tân về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nguồn thông tin tư liệu và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền; Trường Đại

học Duy Tân hội đủ điều kiện (khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép) có thể triển khai công tác đào tạo Sau đại học đảm bảo chất lượng. Trường Đại học Duy Tân kính đề nghị Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định giao nhiệm vụ đào tạo Thạc sĩ Dược liệu – Dược học cổ truyền cho Trường.

PHẦN 2. NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Hiện nay, Trường tổ chức tổ chức đào tạo trình độ Đại học và Sau đại học. Trong đó, đào tạo 05 chuyên ngành Tiến sĩ, 08 chuyên ngành thạc sĩ, 34 ngành đại học. Đồng thời, Trường đã chấm dứt tổ chức đào tạo các ngành hệ Cao đẳng theo đúng lộ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong điều kiện hầu hết các trường rất khó khăn về tuyển sinh nhưng Nhà trường không những luôn thực hiện đạt chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo giao mà còn từng bước nâng chất lượng tuyển sinh đầu vào để đảm bảo chất lượng đào tạo.

1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

Từ khi thành lập đến nay (30/6/2020), Trường đã tuyển sinh được 107.098 học viên - sinh viên. Trong đó: 51 nghiên cứu sinh, 2.647 học viên cao học, 78.911 sinh viên đại học, 11.692 sinh viên Cao đẳng, 1.397 sinh viên Cao đẳng Nghề và 12.400 học viên trung cấp chuyên nghiệp (*dừng tuyển sinh hệ trung cấp chuyên nghiệp từ 2012 và từ năm 2018 Trường không tuyển sinh hệ cao đẳng*). Trường đã cung cấp cho xã hội 64.581 Tiến sĩ, Thạc sĩ, Kỹ sư, kiến trúc sư và cử nhân. Trong đó: 02 Tiến sĩ, 1.264 Thạc sĩ; 44.780 Kỹ sư, Kiến trúc sư, Cử nhân đại học; 6.865 cử nhân Cao đẳng, 636 Cao đẳng nghề và 11.033 TCCN - nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp vào quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Kết quả khảo sát việc làm cho thấy tỷ lệ việc làm của sinh viên sau một năm tốt nghiệp đạt 94,4%. Có thể thấy rằng, chất lượng đào tạo ở Trường Đại học Duy Tân đã góp phần đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội, góp phần nâng cao trình độ dân trí và xã hội hóa giáo dục

1.3. Số khóa và số sinh viên đã tốt nghiệp trình độ Dược sĩ đại học

Từ năm 2012 đến nay, tình hình tuyển sinh các ngành do khoa đào tạo thường xuyên đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Qua 7 khoá tuyển sinh, tổng số sinh viên trúng tuyển toàn khoa là 2.882 sinh viên (trình độ đại học) cụ thể qua bảng dưới đây:

Bảng 2 - Tổng số lượng sinh viên trúng tuyển vào khoa từ 2012-2020

STT	Năm tuyển sinh	Số lượng		Tổng
		Chính qui	Liên thông	
1	2012	157	0	157
2	2013	245	170	415
3	2014	254	154	408
4	2015	262	135	397
5	2016	231	147	378
6	2017	325	165	490
7	2018	263	68	313
8	2019	324	-	324
Tổng				2882

(Nguồn: Phòng Đào tạo – Trường Đại học Duy Tân)

Với số lượng sinh viên tốt nghiệp trên đây sẽ là nguồn cung ứng thí sinh dồi dào đối với các chương trình đào tạo sau đại học chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền.

Số lượng sinh viên tốt nghiệp của Khoa tính đến năm 2020

Tính đến năm học 2019-2020, khoa đã có 4 khóa sinh viên tốt nghiệp Dược sĩ đại học với số lượng 1565 sinh viên.

Với số lượng sinh viên tốt nghiệp nêu trên, cùng với số sinh viên tốt nghiệp từ các trường đào tạo Dược sĩ đại học khác, đây sẽ là nguồn cung ứng thí sinh dồi dào đối với các chương trình đào tạo sau đại học chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền.

Với chủ trương đào tạo gắn liền với trải nghiệm thực tiễn, trong những năm qua, Khoa Dược - Đại học Duy Tân đã có nhiều hoạt động thiết thực gắn kết với các tổ chức đoàn thể cũng như các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp trong và ngoài địa

bàn thành phố Đà Nẵng. Khoa thường xuyên mời các chuyên gia từ các doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, các trường đại học tham gia hội đồng khoa học Khoa, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên, giao lưu định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Các hoạt động này không chỉ giúp cho sinh viên có thêm các kiến thức từ thực tế cuộc sống mà còn tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi ra trường. Định kỳ Khoa lấy ý kiến của doanh nghiệp, cơ quan đoàn thể liên quan về chương trình đào tạo để kịp thời điều chỉnh chương trình, kiến thức cho phù hợp với xu thế phát triển của đất nước.

Được sự đầu tư đầy đủ từ Ban giám hiệu, sinh viên khoa Dược được học tập và thực hành trên điều kiện cơ sở vật chất hiện đại, trang thiết bị phục vụ học đường đầy đủ, đúng với phương châm giảng dạy của Khoa là đào tạo gắn liền với thực nghiệm, lấy thực hành làm trọng tâm, học gắn với Lab, gắn với doanh nghiệp nên khi ra trường sinh viên có thể làm việc được ngay. Ngoài ra, sinh viên còn có thể tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu ở thư viện với hàng nghìn đầu sách cơ bản & chuyên ngành với nhiều thứ tiếng khác nhau. Bên cạnh các hình thức như seminar, làm việc nhóm... trong các môn học lý thuyết & thực hành, thực tập trong các phòng Lab ở trường, ở các đơn vị thực tập..., Khoa còn tổ chức các hoạt động ngoại khóa, dã ngoại, hội thảo chuyên ngành; thực tế, tham quan các cơ quan, các doanh nghiệp sản xuất...

Thêm vào đó, sinh viên được rèn luyện để hình thành những kỹ năng như: kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm; cập nhật và truyền đạt thông tin nhanh; năng lực tự nghiên cứu từ đơn giản đến phức tạp, áp dụng các kỹ năng mềm trong xây dựng mối quan hệ với doanh nghiệp. Tham gia nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của các thầy cô trong khoa, nhiều đề tài nghiên cứu đã được sinh viên thực hiện, một tỷ lệ không nhỏ trong đó có tính ứng dụng vào cuộc sống thực tế. Khi tốt nghiệp, sinh viên đạt 420 - 600 điểm TOEIC.

Với phương châm “Tất cả vì quyền lợi học tập và việc làm của sinh viên”, sinh viên tốt nghiệp từ Khoa Dược đã được tuyển dụng vào làm việc các bệnh viện; các công ty sản xuất và kinh doanh dược phẩm; các cơ quan nghiên cứu và giảng dạy; các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực Dược. Theo thống kê, tỉ lệ sinh viên khoa Dược có việc làm trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp đạt trên 90%.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ CƠ HỮU

2.1. Số lượng giảng viên cơ hữu

2.1.1. Danh sách giảng viên cơ hữu đứng tên mở ngành đăng ký đào tạo

Đội ngũ cán bộ khoa học cơ hữu của trường Đại học Duy Tân đứng ngành tham gia đào tạo Thạc sĩ gồm 5 người, trong đó có 2 người có học hàm Phó giáo sư và 3 người có học vị tiến sĩ. Ngoài ra, trường còn có các phó giáo sư, tiến sĩ ngành gần như Y học, sinh học phân tử, hóa hợp chất thiên nhiên và đội ngũ giảng viên khoa Sau Đại học, khoa Tiếng Anh hỗ trợ đào tạo cho ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền, trình độ thạc sĩ.

Đội ngũ giảng viên của Đại học Duy Tân có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo sau đại học, hướng dẫn, chấm luận văn cao học, luận án tiến sĩ tại trường và các cơ sở đào tạo khác. Danh sách đội ngũ cán bộ khoa học của trường cụ thể như sau:

Danh sách giảng viên cơ hữu đứng tên mở ngành đăng ký đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Nguyễn Thị Bích Thu, 1959, Trưởng khoa Dược, Đại học Duy Tân	PGS 2013	Tiến sĩ, Việt Nam, 2001	Dược học	2001 Viện dược liệu, Trường Đại học Dược Hà Nội	10 bài báo quốc tế 98 bài báo tạp chí ngành 1 hội nghị quốc tế 1 chương sách chuyên khảo
2	Phương Thiện Thương, 1976, Giảng viên khoa Dược, Đại học Duy Tân	PGS (2016)	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2006	Dược học	2009, Viện Dược liệu	05 Đề tài NCKH cấp Bộ 68 Bài báo trên tạp chí quốc tế 85 Bài báo trên

	Tân					tạp chí quốc gia 02 Bài trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế. 01 chương sách chuyên khảo
3	Hoàng Minh Châu, 1974, Giảng viên khoa Dược, Đại học Duy Tân		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Dược liệu – Dược học cổ truyền		01 bài báo quốc tế 02 bài báo tạp chí ngành
4	Trịnh Hiền Trung, 1979, Giảng viên khoa Dược, Đại học Duy Tân		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2011	Dược học		01 đề tài cấp bộ 21 bài báo quốc tế 04 bài báo tạp chí ngành
5	Đào Trọng Tuấn, 1979, Giảng viên, khoa Dược – Đại học Duy Tân		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2013	Dược học		39 bài báo trên tạp chí quốc tế 04 bài báo tạp chí ngành 1 patent 2012

2.1.2. Danh sách giảng viên tham gia đào tạo các học phần ở trình độ Thạc sĩ Dược liệu – Dược cổ truyền

Danh sách các giảng viên tham gia đào tạo các học phần ở trình độ thạc sĩ được liệt kê ở bảng sau:

Danh sách giảng viên tham gia đào tạo các học phần ở trình độ Thạc sĩ Dược liệu – Dược cổ truyền

TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần
1	Nguyễn Thị Bích Thu, 1959, Trường khoa Dược, Đại học Duy Tân	PGS 2013	Tiến sĩ, Việt Nam, 2001	Dược học	2001 Viện dược liệu, Trường Đại học Dược Hà Nội	10 bài báo quốc tế 98 bài báo tạp chí ngành 1 hội nghị quốc tế 1 chương sách chuyên khảo	- Xây dựng tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm dược liệu, thuốc dược liệu - Một số phương pháp chiết xuất hiện đại
2	Phùng Hòa Bình, 1954, Giảng viên khoa Dược - Đại học Duy Tân	PGS	Tiến sĩ, Việt Nam, 1995	Dược học	1998 ĐH Dược Hà Nội	06 Đề tài NCKH cấp Bộ 36 Bài báo trên tạp chí ngành 01 Bài báo trên tạp chí trường 04 Bài trong kỷ yếu hội nghị khoa học.	- Chế biến thuốc cổ truyền - Thiết kế phương thuốc
3	Phương Thiện Thương, 1976, Giảng viên khoa Dược - Đại học	PGS (2016)	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2006	Dược học	1998 Viện dược liệu	05 Đề tài NCKH cấp Bộ 68 Bài báo trên tạp chí quốc tế 85 Bài báo trên tạp chí quốc gia	- Hóa học các hợp chất tự nhiên - Dược liệu từ sinh vật biển

	Duy Tân					02 Bài trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế. 01 chương sách chuyên khảo	
4	Hoàng Minh Châu, 1974, Giảng viên khoa Dược, Đại học Duy Tân		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Dược liệu – Dược học cổ truyền		01 bài báo quốc tế 02 bài báo tạp chí ngành	- Sinh dược học bào chế - Bào chế hiện đại
5	Trịnh Hiền Trung, 1979, Giảng viên khoa Dược, Đại học Duy Tân		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2011	Dược học		01 đề tài cấp bộ 21 bài báo quốc tế 04 bài báo tạp chí ngành	- Các phương pháp phổ ứng dụng trong nghiên cứu dược liệu - Hóa trị liệu
6	Đào Trọng Tuấn, 1979, Giảng viên, khoa Dược – Đại học Duy Tân		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2013	Dược học		34 bài báo trên tạp chí quốc tế 04 bài báo tạp chí trường 1 patent 2012	- Chất chống oxy hóa nguồn gốc tự nhiên - Phương pháp chiết xuất, phân lập các hợp chất tự nhiên

7	Phan Thị Như Hoa, 1989, Giảng viên khoa Dược - Đại học Duy Tân		Tiến sĩ, Mỹ, 2018	Dược lý		04 bài báo quốc tế	- Một số mô hình Dược lý đánh giá tác dụng và đặc tính của thuốc
8	Lê Hoàng Ngọc Quỳnh, 1984, Giảng viên, Đại học Duy Tân		Tiến sĩ, Mỹ, 2014	Dược học/ Dược lâm sàng		05 bài báo quốc tế	- Một số mô hình Dược lý đánh giá tác dụng và đặc tính của thuốc - Cảnh giác Dược và thông tin thuốc
9	Nguyễn Huy Thuần, 1980, Giảng viên, Đại học Duy Tân		Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2013	Sinh học		01 đề tài cấp Bộ 01 đề tài nafosted 04 bài báo quốc tế 01 bài báo trên tạp chí ngành	- Công nghệ sinh học Dược
10	Nguyễn Thị Thái Hằng, 1953, Giảng viên, khoa Dược- Đại học Duy Tân	PGS 2002	Tiến sĩ, Việt Nam, 1995	Dược học	1998 ĐH Dược Hà Nội	2 giáo trình toàn quốc 03 bài báo trên tạp chí ngành	- Đạo đức trong hành nghề Dược

11	Nguyễn Tấn Hùng, 1946, giảng viên, Đại học Duy Tân	PGS	Tiến sĩ, Việt Nam, 2000	Triết học		-03 đề tài cấp bộ - 02 đề tài cấp cơ sở 03 giáo trình xuất bản toàn quốc	- Triết học
12	Trương Thị Huệ, 1971, Giảng viên, Đại học Duy Tân		Thạc sĩ, Việt Nam,	Ngôn ngữ Anh		03 đề tài cấp cơ sở	- Tiếng Anh - Tiếng Anh chuyên ngành
13	Trần Nhật Tân, 1982, Giảng viên, Đại học D\$uy Tân		Tiến sĩ, Nga, 2011	Hóa công nghệ		- 06 đề tài cấp trường - 08 bài báo quốc tế - 02 bài báo cấp trường	- Phương pháp luận nghiên cứu khoa học
14	Nguyễn Đức Hiền, 1976, Giảng viên Đại học, Duy Tân		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Toán học	2015 ĐH Duy Tân	02 đề tài cấp Bộ 02 đề tài cấp trường 08 bài báo quốc tế	- Thống kê sinh học

2.2. Số lượng giảng viên thỉnh giảng

Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng tham gia đào tạo ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền trình độ thạc sĩ được liệt kê ở bảng sau:

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, học vị	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, cơ sở đào tạo)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Trần Minh Ngọc, 1981	Tiến sĩ	Hàn Quốc, 2010	Dược học/ Hóa Dược		03 Đề tài NCKH cấp Bộ, nhà nước 05 bài báo quốc tế 05 bài báo tạp chí ngành
2	Phạm Thanh Huyền, 1972	PGS, Tiến sĩ	Việt Nam, 2008	Sinh học/ Thực vật học	1995 Viện Dược liệu	44 Đề tài NCKH cấp Bộ, nhà nước, cấp cơ sở 82 bài báo quốc tế, bài báo tạp chí ngành 8 sách xuất bản 3 bằng sáng chế

2.3. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, học vị	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Bích Thu, 1959, Trưởng khoa Dược, Đại học Duy Tân	PGS 2013	Tiến sĩ, Việt Nam, 2001	Dược học	
2	Phương Thiện Thương, 1976, Giảng viên khoa Dược - Đại học Duy Tân	PGS 2016	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2006	Dược học	

2.4 Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thùy Trang, 1990, phó khoa Dược, Đại học Duy Tân	Thạc sĩ, 2015	Dược học/Bào chế - Công nghiệp Dược	Hướng dẫn thực tập môn Phân tích dụng cụ

2	Nguyễn Thị Cẩm Nhung, 1990, Quyền Tổ trưởng bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng	Thạc sĩ, 2015	Dược học/Dược lý - Dược lâm sàng	Hướng dẫn thực tập môn Cảnh giác Dược và thông tin thuốc
3	Nguyễn Thị Thúy An, Quyền trưởng bộ môn Thực vật dược – Dược liệu – Dược cổ truyền	Thạc sĩ, 2016	Dược học/Dược liệu – Dược học cổ truyền	Hướng dẫn thực tập môn Phương pháp chiết xuất, phân lập các hợp chất tự nhiên
4	Hà Văn Huân, giảng viên	Thạc sĩ, 2019	Dược học/Dược liệu – Dược học cổ truyền	Hướng dẫn thực tập môn Chế biến thuốc cổ truyền
5	Hoàng Thị Vân, giảng viên	Thạc sĩ, 2019	Dược học/Dược liệu – Dược học cổ truyền	Hướng dẫn thực tập môn xây dựng tiêu chuẩn và kiểm nghiệm dược liệu, thuốc dược liệu
6	Nguyễn Thị Thu, Quyền trưởng bộ môn Hóa Dược – Hóa hữu cơ	Thạc sĩ, 2017	Hóa hữu cơ	Hướng dẫn thực tập môn Hóa học các hợp chất tự nhiên

7	Tạ Thị Thanh, 1982, KTV	DSĐH, 2018	Dược học	Quản lý máy móc, thiết bị thực tập
8	Huỳnh Thị Mỹ Dung, 1994, KTV	DSĐH, 2018	Dược học	Quản lý hóa chất phòng thí nghiệm
9	Nguyễn Công Kính, 1982, phó khoa Dược, Đại học Duy Tân	ThS, 2016	Hóa hữu cơ	Quản lý phòng thí nghiệm

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

3.1. Trang thiết bị phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

3.1.1. Phòng học, giảng đường

Trường đã trang bị hệ thống cơ sở vật chất với đầy đủ trang thiết bị khang trang, hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu, làm việc cho học viên, sinh viên, giảng viên, chuyên gia nghiên cứu cũng như cán bộ, chuyên viên, nhân viên trong Trường. Đến nay, Trường đã tạo dựng được hệ thống cơ sở vật chất với 61.697 m² đất thuộc sở hữu của Trường, xây dựng được 82.362,2 m² sàn, trong đó có 62.135,22 m² sàn trực tiếp phục vụ đào tạo, bình quân đạt 3,1 m²/sinh viên đảm bảo điều kiện chất lượng đào tạo tại 6 cơ sở đào tạo chính.

- **Cơ sở số 03 và K7/25 Quang Trung:** Số 03 hoặc K7/25 đường Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- **Cơ sở 254 Nguyễn Văn Linh và 209 Phan Thanh:** Số 254 đường Nguyễn Văn Linh, hoặc số 209 đường Phan Thanh, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng;

- **Cơ sở 137 Nguyễn Văn Linh:** Số 137 đường Nguyễn Văn Linh, phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- **Cơ sở 3.5 ha - Hoà Khánh Nam:** Số 120 đường Hoàng Minh Thảo, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- **Cơ sở Hà Bồng:** Số 59 đường Hà Bồng, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- **Cơ sở 2.1 ha - Phan Hành Sơn:** Số 02 đường Phan Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Tổng diện tích phòng học, giảng đường của Đại học Duy Tân

Số TT	Loại phòng	Số lượng	Tổng diện tích (m ²)
1	Phòng học	176	29.208,6
2	Phòng máy tính	19	2.760
3	Phòng học tiếng	9	1.231,4

3	Thư viện	3	1.820
4	Phòng thí nghiệm, thực hành	124	11.957
5	Xưởng thực tập – thực hành		
6	Phòng ký túc xá		9.375
7	Nhà ăn	1	200
8	Hội trường	4	1.617
9	Nhà văn hóa		
10	Nhà thi đấu đa năng		
11	Sân vận động		13.069
12	Diện tích khác (văn phòng, nhà kho, xưởng,...)		508
13	Tổng diện tích đất đai	6	61.697
14	Tổng diện tích sàn xây dựng		82.362,2

3.1.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành

Hệ thống phòng thí nghiệm - thực hành hiện đại như: Phòng thí nghiệm Quang phổ, phòng thực hành kế toán ảo, Phòng thí nghiệm Lý hóa, Hóa – sinh, Vi sinh, Y sinh, Môi trường, Giải phẫu, Điều dưỡng, Dược lý, Bào chế dược liệu, Sinh lý bệnh, Hệ thống nhúng, Robot – Micromouse, Điện – Điện tử, Viễn thông, Cơ học đất, Thủy lực, Vật liệu xây dựng, Sức bền vật liệu, Trắc địa, Vẽ kỹ thuật, Audio và Video, Lễ tân, Bếp, Buồng, Phòng,... , 02 phòng ghi âm và thu hình; vườn thuốc đạt chuẩn ngành Dược; 100% phòng học được trang bị máy chiếu đa phương tiện, máy điều hòa. Các phòng thí nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị trong đó có nhiều thiết bị, máy móc hiện đại.

Hệ thống thông tin, mạng internet và mạng wifi miễn phí phủ khắp toàn Trường. Trường đã đầu tư hoàn thiện hệ thống Data Center phục vụ công tác đào tạo theo học chế tín chỉ, đào tạo từ xa dưới dạng E-Learning. Trang bị 244 máy chiếu, 1.997 máy vi tính hiện đại được kết nối mạng. Các trang thiết bị khác như máy in, máy scanner, máy đọc barcode, máy chấm thi trắc nghiệm khách quan, cổng từ được trang bị đầy đủ. Bên cạnh hệ thống trang thiết bị, Trường còn thành lập các đơn vị chuyên sâu, chuyên trách nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược như: Trung tâm Công nghệ phần mềm (CSE), Trung tâm Công nghệ thông tin (CIT), Trung tâm Điện – Điện tử (CEE).

Trang thiết bị phục vụ đào tạo cho toàn trường

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Số lượng	Ghi chú
1	Máy tính	1300	Các phòng TH và Thư viện: 620PCs (21NVL: 110PCs, 209PT: 250PCs, 184NVL: 160PCs; 5A QT: 100)
2	Server	50 cái	2 DataCenter, 7 Máy Server IBM: hệ điều hành Windows 2003 Advance Server gồm các chức năng máy chủ WEB và máy chủ Mail, Telnet, FTP...
3	Projector	185	Các giảng đường và phòng học:
4	Máy in	75	
5	Máy Photo	8	
6	Đèn chiếu	5	
7	Khuếch đại âm thanh	31	Các giảng đường và phòng học
8	Cassetter	75	
9	Switch	45	
10	Hub	29	
11	Laptop	150	
12	Máy ảnh	5	
13	Máy quay phim	2	
14	Ôn áp	32	
15	Tủ lạnh	4	
16	Điện thoại	77	
17	Máy điều hòa	150	
18	Máy Fax	4	
19	Máy bộ đàm	6	

20	Tivi	26	
21	Camera	27	
22	Đầu DVD	18	
23	Gauter	3	
24	Quạt các loại	250	
25	Tủ	312	
26	Bảng viết các loại	181	
27	Đồng hồ	45	
28	Máy bơm	8	
29	Bàn	4546	
30	Ghế	6450	
31	Salon	18	
32	Projector	51	Các GĐ và phòng học: 34 cái (21NVL: 7, 209PT: 9, 184NVL: 9, ĐBP: 1, di động: 8), kho: 16 cái.

Thông kê cơ sở vật chất đặc thù phục vụ đào tạo

Thạc sĩ Dược liệu – Dược học cổ truyền

STT	Tên gọi của máy, thiết bị, ký hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng
1	Máy đo quang phổ Ultrospec 7000	Thụy Điển	3	Phân tích dụng cụ, Xây dựng tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm dược liệu, thuốc dược liệu
2	Máy cất nước 2008 CF1	Đức	1	
3	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC Agilent	Đức	1	
4	Tủ hút khí độc HD 2000	Việt Nam	7	
5	Cân kỹ thuật	Trung Quốc	10	
		Đức	2	
6	Tủ sấy	Đức	4	
7	Đèn UV	Đức	3	

8	Cân phân tích	Nhật Trung Quốc	2 1	
9	Cân sấy ẩm hồng ngoại	Nhật	1	
10	Bình chạy sắc ký lớp mỏng	Đức	2	
11	Bếp cách thủy	Đức	6	Xây dựng tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm dược liệu, thuốc dược liệu
12	Bếp điện	Việt Nam	14	
13	Máy xay dược liệu	Trung Quốc	1	
14	Kính hiển vi	Đức	32	
15	Lò nung	Trung Quốc	1	
16	Máy cắt quay chân không	Nhật	1	
17	Bếp ga	Việt Nam	6	Chế biến thuốc cổ truyền
18	Dao cầu	Bếp ga	Việt Nam	
19	Bộ sắc ký cột	Đức		Phương pháp chiết xuất, phân lập các hợp chất tự nhiên

3.1.3. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo, mạng công nghệ thông tin

Hệ thống 03 thư viện, được trang bị hiện đại gồm 194.012 đầu sách, tạp chí, ebook..., 85 máy tính, hơn 50 máy đọc sách điện tử với đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, tạp chí chuyên ngành đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác học tập nghiên cứu tại Thư viện. Thư viện đã sử dụng phần mềm trong công tác quản lý, hỗ trợ tra cứu tài liệu (<http://elib.dtu.edu.vn>). Bên cạnh Thư viện truyền thống, Trường đã xây dựng thư viện điện tử với 160.000 tài liệu điện tử (<http://thuvienso.edu.vn>) và kết nối với các cơ sở dữ liệu toàn văn trong nước và quốc tế như: <http://tailieu.vn>; Science@Direct; Springerlink ; Proquest Central ; IEEE...

Thư viện thường xuyên tổ chức các hoạt động để thu hút sinh viên như triển lãm sách, tọa đàm kỹ năng đọc sách hiệu quả, cuộc thi tranh luận. Thư viện thực hiện chính sách mở cửa 4 ca phục vụ người đọc, kể cả thứ bảy và chủ nhật. Thư viện đã tiến hành

khảo sát và nhận được đánh giá cao của bạn đọc về mức độ đáp ứng yêu cầu của thư viện đối với bạn đọc. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 90% sinh viên, giảng viên hài lòng về mức độ đáp ứng tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu của thư viện.

Danh mục sách ngoại văn và sách trong nước phục vụ đào tạo được liệt kê ở các bảng sau:

DANH MỤC SÁCH TIẾNG VIỆT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

STT	Tiêu đề sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng
1	Dược điển Việt Nam (Lần xuất bản thứ V)		Y học	2017	1	Các chuyên đề
2	Kiểm nghiệm Dược phẩm	Trần Tử An	Y học	2011	10	Các chuyên đề
3	Nghiên cứu ứng dụng y học cổ truyền trên thế giới và trong nước	Nguyễn Khang	Y học	2008	10	Các chuyên đề
4	Dược liệu học: Tập II	Phạm Thanh Kỳ	Y học	2018	10	Các chuyên đề
5	Dược liệu học: Tập I	Ngô Văn Thu	Y học	2018	10	Các chuyên đề
6	Nam dược thần hiệu: Tái bản lần thứ 5 có bổ sung, sửa chữa	Nguyễn Bá Tĩnh; Lê Trần Đức	Y Học	2012	5	Các chuyên đề
7	Sử dụng thuốc đông y thiết yếu	Nguyễn Văn Đán	Y học	2000	10	Các chuyên đề
8	Các phương pháp phổ trong hóa học hữu cơ	Nguyễn Thanh Hồng	Khoa học và kỹ thuật	2007		Các phương pháp phổ ứng dụng trong nghiên cứu

9	Các phương pháp phổ nghiên cứu cấu trúc hóa học	Nguyễn Hữu Đình, Trần Thị Đà	Khoa học và kỹ thuật	2019		dược liệu
10	Hóa phân tích tập 2- Phân tích dụng cụ		Y học	2016	5	Phân tích dụng cụ
11	Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc, tập 1		Y học	2016	7	Sinh dược học bào chế
12	Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc, tập 2		Y học	2016	7	
13	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	Giáo dục	2013		Thống kê sinh học
14	Hướng dẫn hoạt động giám sát phản ứng có hại của thuốc (ADR) tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		Y học	2013		Cảnh giác dược và thông tin thuốc
15	Hướng dẫn quốc gia về cảnh giác dược, QĐ 2111/QĐ - BYT	Bộ Y tế		2015		

16	Hóa dược tập 1		Y học	2014	10	Hóa trị liệu
17	Hóa dược tập 2		Y học	2014	10	
18	Một số chuyên đề về bào chế hiện đại	Võ Xuân Minh	Y học	2004		Bào chế hiện đại
19	Phương pháp nghiên cứu tác dụng dược lý của thuốc từ dược thảo	Viện Dược liệu	Khoa học và Kỹ thuật	2006		Một số mô hình dược lý thực nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc
20	Công nghệ Kháng Sinh	Cao Văn Thu	thông tin và truyền thông	2014		Công nghệ sinh học trong Y Dược
21	Công nghệ sản xuất kháng sinh	Lê Gia Hy	khoa học và kỹ thuật	2013		
22	Công nghệ Sinh học Dược	Nguyễn Văn Thanh	giáo dục	2009		
23	Giáo trình Công nghệ Lên men	Lương Đức Phẩm	giáo dục	2010		
24	Thuốc y học cổ truyền và ứng dụng lâm sàng	Trần Quốc Bảo	Y học	2011		
25	Lý luận cơ bản y học cổ truyền	Trần Quốc Bảo	Y học	2010		Sử dụng thuốc cổ truyền an toàn, hiệu quả

26	Một số chuyên đề thuốc cổ truyền	Phạm Xuân Sinh	Y học	2010	2	Chế biến thuốc cổ truyền, Sử dụng thuốc cổ truyền an toàn, hiệu quả
27	Dược học cổ truyền	Phạm Xuân Sinh	Y học	2017	10	
28	Thực vật học	Lê Đình Bích, Trần Văn Ôn	Y học	2007	5	Tài nguyên cây thuốc
29	Đa dạng sinh học & Bảo tồn thiên nhiên	Lê Trọng Cúc	Đại học Quốc Gia Hà Nội	2002		
30	Tài nguyên thực vật Việt Nam – Những cây chứa các hợp chất có hoạt tính sinh học, Tập 1	Lã Đình Mối	Nông nghiệp	2005	1	
31	Danh lục cây thuốc Việt Nam	Viện Dược liệu	Khoa học và Kỹ thuật	2017		
32	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Phan Tống Sơn, Phan Minh Giang	Khoa học và kỹ thuật	2016		
33	Phương pháp cô lập hợp chất hữu cơ	Nguyễn Kim Phi Phụng	ĐH Quốc Gia TP. HCM	2007		Phương pháp chiết xuất, phân lập các hợp chất tự nhiên
34	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm: Tập 1: Kỹ thuật sản	Từ Minh Koóng	Y học	2007	10	

	xuất thuốc bằng phương pháp tổng hợp hóa dược và chiết xuất dược liệu					
35	Phương pháp chế biến thuốc cổ truyền	Phạm Xuân Sinh	Y học	2000	1	Chế biến thuốc cổ truyền
36	Các phương pháp nghiên cứu thực vật	Nguyễn Nghĩa Thìn	Đại học quốc gia Hà Nội	2007		Phương pháp phân loại thực vật
37	Phân loại và Hệ thống học Thực vật (Taxonomy and Systematics of Plantae)	Trần Đình Lý, Trần Thế Bách, Bùi Thu Hà	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ	2016		
38	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	Viện Dược liệu	Khoa học và Kỹ thuật	2008		Một số phương pháp chiết xuất hiện đại
39	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	Nguyễn Văn Hân, Đỗ Hữu Nghị	Y học	2017		
40	Phương pháp phân tích sắc ký và chiết tách	Phạm Luận	Bách khoa Hà nội.	2014		Phương pháp sắc ký ứng dụng trong nghiên cứu dược liệu.
41	Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên cao học và	Đại học Quốc gia Hà Nội	NXB Chính trị Quốc gia - Sự	2013	10	Triết học

	nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn		thật			
42	Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học)	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010)	Nxb Chính trị – Hành chính.	2010	2	
43	New English File – Intermediate Student’s Book & Workbook	Oxenden, C. & Latham-Koenig, C.	Oxford: Oxford University Press	2008		Anh văn
44	English for pharmacy writing and oral communication	Gilbert M. D.	Lippincott Williams & Wilkins	2009		Tiếng anh chuyên ngành
45	Remington: The science and practice of Pharmacy, 22 nd edition	Allen L. V.	Pharmaceutical Press	2013		
46	Phương pháp luận NCKH	Vũ Cao Đàm	NXB Khoa học & Kỹ thuật	2005		Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

DANH MỤC SÁCH NGOẠI VĂN PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

STT	Tiêu đề sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số lượng	Tên học phần sử dụng
1	Handbook of HPLC	Corraclini D.	CRC Press	2016		Phân tích dụng cụ
2	Pharmaceutical analysis: a textbook for pharmacy students and pharmaceutical chemists	Watson D. G.	Elsevier	2020		
3	Pharmaceutical dosage forms and drug delivery systems, 9 th edition	Allen L. V.	Wolters Kluwer	2014		Sinh dược học bào chế Bào chế hiện đại
4	Analyzing quantitative data from description to explanation	Blaike N.	SAGE – London	2020		Thống kê sinh học
5	Statistics in drug research: methodologies and recent development	Chow S. C.	CRC Press	2019		
6	Multiple testing problem in pharmaceutical statistics	Dmitrienko A.	CRC Press	2009		

7	Mann's Pharmacovigilance, 3 rd edition	Elizabeth B. Andrews	Wiley-Blackwel	2014		Cảnh giác dược và thông tin thuốc
8	Evidence – based pharmacotherapy: optional patient care = best knowledge + competent practitioner	Chiquette E, Posey LM	American Pharmacist Association	2007		
9	Drug Information: A guide for pharmacitsts, 6 th edition	Patrick M. Malone	Mc Graw Hill Education	2018		
10	Harrison's manual of oncology, 2 nd edition	Bruce A. Chabner	Mc Graw Hill Education	2014		Hóa trị liệu
11	Principles of Pharmacology: The Pathophysiologic Basis of Drug Therapy, 4 th edition	David E. Golan	Wolters Kluwer Health	2016		
12	Wilson and Gisvold's Textbook of Organic Medicinal and Pharmaceutical Chemistry, 12 th edition	John M. Beale	Wolters Kluwer Health	2014		
13	Medicinal Chemistry: A Molecular and Biochemical Approach, 3 rd edition	Thomas Norgrady, Donald F. Weaver	Oxford University Press	2005		

14	Modern pharmaceuticals, 5 th edition	Alexander T. Florence	CRC Press	2009	1	Bào chế hiện đại
15	Drug stability: Principles and Practices, 3 rd edition	Carstensen, Jens T., and Christopher Rhodes.	Marcel Dekker Inc	2000		
16	Pharmaceutics: The science of dosage form design, 2 nd edition	M. E. Aulton	Churchill Livingstone Inc.	2001		
17	Drug Discovery and Evaluation: Pharmacological Assay, 4 th edition	Franz J. Hock	Springer	2016		Một số mô hình dược lý thực nghiệm đánh giá tác dụng của thuốc
18	Statistics in drug research: Methodologies and recent development	Shein-Chung Chow	CRC Press	2002		
19	Textbook of Pharmaceutical Biotechnology	Chandrakant Kokate	Elsevier	2011		Công nghệ sinh học trong Y Dược
20	Pharmaceutical Biotechnology: Fundamentals and Applications, 5 th	Daan J. A. Crommelin, Robert D. Sindelar, Bernd Meibohm	Springer	2019		

21	Antioxidants and Reactive Oxygen Species in Plants	Nicholas Smirnoff	Wiley	2005		Chất chống oxy hóa nguồn gốc tự nhiên
22	Oxidants And Antioxidants - Ultrastructure And Molecular Biology Protocols	Amstrong D.	Humana Press	2002		
23	Antioxidants and Cardiovascular Disease	Tardif, J.C., Bourassa, Martial G.	Springer	2000		
24	Antioxidant properties of spices, herbs and other sources	Charles, Denys J.	Springer	2013		
25	Antioxidants in Food and Biology - Facts and Fiction	Edwin N. Frankel	Oily Press.	2007		
26	Traditional herbal medicine research methods: identification, analysis, bioassay, and pharmaceutical and clinical studies	Liu, W. J.	John Wiley & Sons	2011		Xây dựng tiêu chuẩn và kiểm nghiệm Dược liệu, thuốc Dược liệu
27	Pharmacopoeia of People's Republic of China	Pharmacopoeia Commission of PRC	Chemical Industry Press, Beijing	2015		

28	British Pharmacopoeia	The department of health	London : Crown	2016		
29	The United States Pharmacopeia 39 - National Formulary 34	USA : The United States pharmacopeia convention	USA : The United States pharmacopeia convention	2016		
30	The Japanese pharmacopoeia – 17 th ed	The Ministry of Health Japan	The Ministry of Health Japan	2016		
31	Quality Control and Evaluation of Herbal Drugs_ Evaluating Natural Products and Traditional Medicine	Pulok K. Mukherjee Dr.	Elsevier	2019		
32	Phytochemicals: Isolation, Characterisation and Role in Human Health	Rao, Venketeshwer, and Leticia Rao	BoD–Books on Demand	2015		Hóa học các hợp chất tự nhiên
33	Pharmacognosy: Fundamentals, applications and strategies	McCreath, Simone Badal, and Rupika Delgoda	Academic Press	2017		
34	Classics in spectroscopy: isolation	Berger, Stefan, and	John Wiley &	2009		Phương pháp chiết

	and structure elucidation of natural products	Dieter Sicker	Sons			xuất, phân lập các hợp chất tự nhiên
35	Green Extraction of Natural Products	Theory and Practice	Willey	2015		
36	Natural Product Extraction Principles and Applications	RSC Green Chem Series Vol 21	Rostagno, Prad.	2013		
37	Modern Extraction Techniques	ACS Symposium Series				
38	Seeds of Wild Plants of Korea	Joongku Lee, Joo-Hwan Kim,	Korea Research Institute of Bioscience and Biotechnology	2009		Phương pháp phân loại thực vật
39	Modern Extraction Techniques: Food and Agricultural Samples	Charlotta Turner	American Chemical Society	2006		Một số phương pháp chiết xuất hiện đại
40	Bioactive natural products: detection, isolation, and structural determination	Colegate, S. M., & Molyneux, R. J.	CRC press	2007		Các phương pháp phổ ứng dụng trong nghiên cứu dược liệu
41	Introduction to spectroscopy	Pavia, D. L., Lampman, G. M.,	Cengage Learning	2008		

		Kriz, G. S., & Vyvyan, J. A.				
42	A handbook of spectroscopic data	Mistry, B. D.	Chemistry	2009		
43	Chromatography: basic principles, sample preparations and related methods	Lundanes, E., Reubsaet, L., & Greibrokk, T.	John Wiley & Sons	2013		Phương pháp sắc ký ứng dụng trong nghiên cứu dược liệu.
44	Marine Pharmacognosy: Trends and Applications	Kim, Se-Kwon	CRC press	2012		Dược liệu từ sinh vật biển
45	Handbook of anticancer drugs from marine origin	Kim, Se-Kwon	Springer	2014		
46	Pharmaceutical Ethics	Sam Salek, Andrew Edgar	Wiley	2002		Đạo đức trong hành nghề Dược
47	Ethics and the Pharmaceutical Industry	Michael A. Santoro & Thomas M. Gorrie	Cambridge University Press	2011		
48	Case Studies in Pharmacy Ethics	Robert M. Veatch and Amy Haddad	Oxford University Press, Inc.	2008		

IV. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

4.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên liên quan đến ngành đề nghị cho phép đào tạo do cơ sở đào tạo thực hiện

STT	Tên đề tài	Cấp quyết định	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1	Ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tại ảo tăng cường (VR/AR) mô phỏng và tương tác với hệ cơ thể người 3D	Giải thưởng Sao Khuê Nhân Tài Đất Việt	2018 2017	
2	NGHỊ ĐỊNH THỦ: Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài nấm lớn ở Việt Nam	Cấp Nhà nước	2012-2016	Đạt
3	Nafosted: Nghiên cứu thành phần hóa học, hoạt tính sinh học một số loài thuộc họ Na (Annonaceae) ở Việt Nam.	Cấp Bộ	2012-2016	Đạt
4	Xác định các chức năng và cơ chế điều hòa của một số gen biểu hiện ở vi khuẩn <i>Bacillus licheniformis</i> trong điều kiện đói phosphate, nhằm ứng dụng trong việc xây dựng hệ biểu hiện điều hòa bằng dinh dưỡng	Nafosted	2013 - 2016	Đạt

5	Phát triển hệ thống kép sinh tổng hợp một số hợp chất glycoside ở vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> cải biến di truyền	Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia	2015-2018	Đang thực hiện
6	Nghiên cứu sinh tổng hợp và tối ưu hóa sản xuất hai hợp chất flavonoid glycosides bằng cách sử dụng thuật toán thống kê (Placket-Burman và Response Surface Methodology-Central Composite Design)	Quỹ nghiên cứu khoa học quốc tế Thụy Điển, IFS	2015-2017	Đang thực hiện
7	Nghiên cứu tổng hợp keo dán sinh học có khả năng kháng khuẩn từ tinh bột và chitosan trong hệ nước	Nafosted	2016 - 2019	Đang thực hiện
8	Bước đầu nghiên cứu bào chế thuốc cốm từ bài thuốc Nhị nhân hòa vị gia giảm	Cấp trường	2019 - 2020	Đã hoàn thành
9	Tổng quan về thành phần hóa học, tác dụng sinh học của Mộc Hoa Trắng (<i>Holarrhena pubescens</i> Wall. ex G. Don.)	Cấp trường	2019 - 2020	Đã hoàn thành

10	Khảo sát điều kiện chiết và hoạt tính chống oxy hóa của polyphenol tổng từ cây Dây đòn gánh (<i>Gouania leptostachya</i> DC.)	Cấp trường	2019 - 2020	Đã hoàn thành
11	Khảo sát hoạt tính chống oxy hóa và kháng viêm của một số dẫn xuất Aaptamin có nguồn gốc thiên nhiên chiết xuất từ Bọt biển (Demospongiae) - Nghiên cứu sàng lọc ảo	Cấp trường	2019 - 2020	Đã hoàn thành
12	Khảo sát thành phần hóa học chính trong cây Chùa dù <i>Elsholtzia penduliflora</i> W.W.Smith, họ Hoa môi (Lamiaceae)	Cấp trường	2019 - 2020	Đã hoàn thành
13	Khảo sát một số thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của dịch chiết cây Viền chí đuôi vàng (<i>Polygala fallax</i>)	Cấp trường	2018 - 2019	Đã hoàn thành
14	Nghiên cứu sơ bộ một số thành phần hóa học và hoạt tính sinh học từ dịch chiết cây Cối xay (<i>Abutilon indicum</i> L.)	Cấp trường	2018 - 2019	Đã hoàn thành

15	Nghiên cứu đặc điểm thực vật, thành phần hóa học của cây Muồng trưởng <i>Zanthoxylum avicennae</i> (Lam.) DC., họ Cam Rutaceae thu hái tại Đà Nẵng	Cấp trường	2018 - 2019	Đã hoàn thành
16	Khảo sát cơ chế chống oxy hóa của các hợp chất acridone và coumarins có trong chiết xuất từ rễ của Xáo tam phân (<i>Paramignya trimera</i>) bằng phương pháp Hóa tính toán	Cấp trường	2017 - 2018	Đã hoàn thành
17	Bước đầu nghiên cứu và xác định hoạt tính sinh học từ dịch chiết cây Kinh giới bông (<i>Elsholtzia communis</i>) thu hái ở huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Cấp trường	2017 - 2018	Đã hoàn thành
18	Bước đầu nghiên cứu đặc điểm thực vật, thành phần hóa học của cây Đẳng sâm (<i>Codonopsis javanica</i>) thu hái tại huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam	Cấp trường	2017 - 2018	Đã hoàn thành
19	Bước đầu khảo sát đặc điểm thực vật, thành phần hóa học của cây Lấu (<i>Psychotria montana</i>) thu hái trên địa bàn huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị	Cấp trường	2017 - 2018	Đã hoàn thành

20	Bước đầu nghiên cứu đặc điểm thực vật và thành phần hóa học của cây Nghệ đen thu hái ở huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam	Cấp trường	2017 - 2018	Đã hoàn thành
21	Khảo sát các khu vườn trồng thuốc nam tiêu biểu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và kiến nghị phương án vườn thuốc mẫu trường đại học Duy Tân	Cấp trường	2016-2017	Đã hoàn thành
22	Điều tra thực trạng phân bố cây thuốc thuộc diện nguy cấp: Vàng Đắng (<i>Coscinium fenestratum</i>) trên địa bàn Sơn Trà – Đà Nẵng và đề xuất biện pháp nhân giống, bảo tồn	Cấp trường	2016-2017	Đã hoàn thành
23	Nghiên cứu hoạt tính chống oxy hóa của hai họ hợp chất nitriles và sulfides chiết xuất từ cây cải mầm (<i>Brassica oleracea</i> L.) bằng phương pháp hóa tính toán	Cấp trường	2016-2017	Đã hoàn thành
24	Nghiên cứu hoạt tính chống oxy hóa của các hợp chất diterpenoid amides chiết xuất từ lá của cây Lim xanh (<i>Erythrophleum fordii</i>) bằng phương pháp Hóa tính toán	Cấp trường	2016-2017	Đã hoàn thành
25	Nghiên cứu tách chiết và xác định hoạt tính sinh học từ dịch chiết lá cây Tầm Cám (<i>Stixis ovata</i>)	Cấp trường	2016-2017	Đã hoàn thành

4.2. Các công trình công bố của giảng viên cơ hữu thuộc ngành đăng ký đào tạo của cơ sở đào tạo

Số TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Năm và nguồn công bố
1	Cytotoxic sesquiterpene glucosides from <i>Fissistigma pallens</i>	Nguyễn Thị Bích Thu và cộng sự	Phytochemistry, 172, (2020)
2	Sesquiterpenes from <i>Fissistigma pallens</i> (Fin. & Gagn.) Merr.	Nguyễn Thị Bích Thu và cộng sự	Vietnam Journal of Chemistry, 57(5), 552-557, (2019)
3	Three new flavonol glycosides from <i>Fissistigma pallens</i>	Nguyễn Thị Bích Thu và cộng sự	Bioscience, Biotechnology, and Biochemistry 83.12 2177-2182, (2019)
4	Discrimination of different geographic varieties of <i>Gymnema sylvestre</i> , an anti-sweet plant used for the treatment of type 2 diabetes	Nguyễn Thị Bích Thu và cộng sự	Phytochemistry 150: 12-22, (2018)
5	Ent-Kaurane Diterpenoids from <i>Croton tonkinensis</i> Stimulate Osteoblast Differentiation.	Nguyễn Thị Bích Thu và cộng sự	Journal of Natural Products (2011)

6	Adlay seed extract (Coix lachryma-jobi L.) decreased adipocyte differentiation and increased glucose uptake in 3T3-L1 cells	Nguyễn Thị Bích Thu và cộng sự	Journal of Medicinal food, 13(6) (2010)
7	Chemical Components from the Fruit Peels of Wisteria floribunda and their Effects on Rat Aortic Vascular Smooth Muscle Cells	Nguyễn Thị Bích Thu và cộng sự	Bulletin of the Korean Chemical Society, 32 (6) (2011)
8	Nghiên cứu đặc điểm hình thái, đặc điểm vi học và khảo sát sơ bộ thành phần hóa học loài cách thu tái (Fissistigma pallens (Fin. & Gagnep.) Merr.), họ Na (Annonaceae)	Nguyễn Thị Bích Thu và cộng sự	Tạp chí Dược học, tập 58, Số 511, trang: 82-85 (2018)
9	Triterpene glycosides isolated from <i>Gymnema sylvestre</i> (Retz) R.Br.Ex Schult	Nguyễn Thị Bích Thu và cộng sự	Journal of Medicinal Materials, 22(5): 270-275 (2017)
10	Khảo sát thành phần hóa học của cây dây đòn gánh và phân lập các flavonoid từ phân đoạn ethyl acetat	Nguyễn Thị Bích Thu và cộng sự	Tạp chí Dược liệu, 22 (4): 210-216 (2017)
11	Asymmetric dimeric <i>ent</i> -kauranoids from <i>Croton tonkinensis</i> and their cytotoxicity	Phương Thiện Thương và cộng sự	<i>Tetrahedron Letters</i> 60, 1099-1102 (2019)
12	Cytotoxic and apoptosis-inducing	Phương Thiện	<i>Bioorganic</i> &

	activities against human lung cancer cell lines of cassaine diterpenoids from the bark of <i>Erythrophleum fordii</i>	Thương và cộng sự	<i>Medicinal Chemistry Letters</i> 27, 2946-2952 (2017)
13	Anti-hyperuricemic, anti-inflammatory and analgesic effects of <i>Siegesbeckia orientalis</i> L. resulting from the fraction with high phenolic content	Phuong Thiệu Thương và cộng sự	<i>BMC Complementary and Alternative Medicine</i> 17 (1), 191 (2017)
14	In vitro characterization of derrone as an Aurora kinase inhibitor	Phuong Thiệu Thương và cộng sự	<i>Biological & Pharmaceutical Bulletin</i> 39, 935-945 (2016)
15	Pentacyclic triterpenoids from <i>Astilbe rivularis</i> that enhance glucose uptake via the activation of Akt and Erk1/2 in C2C12 myotubes	Phuong Thiệu Thương và cộng sự	<i>Journal of Natural Products</i> 78, 1005-1014 (2015)
16	Cytotoxic constituents from the seeds of Vietnamese <i>Caesalpinia sappan</i>	Phuong Thiệu Thương và cộng sự	<i>Pharmaceutical Biology</i> 53, 1549-1554 (2015)
17	Đánh giá độc tế bào của ba chất tinh khiết tách từ bany lá một hoa (<i>Paris polyphylla var chinensis</i> Smith.) và CT-1 tách từ khổ sâm cho lá (<i>Croton tonkinensis</i> Gagnep.) <i>in vitro</i> và xác định cơ chế gây chết của CT-1, gracillin trên tế bào ung thư tụy PANC-1	Phuong Thiệu Thương và cộng sự	Tạp chí Dược học 525, 50-56 (2020)

18	Hai hợp chất phân lập từ phần trên mặt đất của cây sói Nhật (<i>Chloranthus japonicus</i> Sieb.) thu hái tại Việt Nam	Phuong Thien Thương và cộng sự	Tạp chí Dược học 492, 29-31 (2017)
19	Flavonoid và terpenoid phân lập từ phần trên mặt đất cây bồ công anh Việt Nam (<i>Lactuca indica</i> L.)	Phuong Thien Thương và cộng sự	Tạp chí Dược học 516, 68-71 (2019)
20	Xây dựng quy trình định lượng coixol trong cam thảo nam (<i>Scopararia dulcis</i> L.) bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao	Phuong Thien Thương và cộng sự	Tạp chí Dược học 518, 82-88 (2019)
21	Nghiên cứu tác dụng giảm đau và chống viêm của rễ cây viển chí hoa vàng (<i>Polygala arilata</i>)	Phuong Thien Thương và cộng sự	Tạp chí Dược học 506, 21-25 (2018)
22	Flavonoid và lignan phân lập từ phần dưới mặt đất của cây bát giác liên (<i>Podophyllum tonkinense</i> Gagnep.) thu hái ở Sa Pa, Lào Cai	Phuong Thien Thương và cộng sự	Tạp chí Dược học 507, 48-53 (2018)
23	Xây dựng phương pháp định lượng acid <i>p</i> -coumaric trong thân ý dĩ bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao	Phuong Thien Thương và cộng sự	Tạp chí Dược học 55(6), 38-42 (2015)
24	Ba hợp chất phenolic glycosid phân lập được từ thân rễ của cây sâm cau (<i>Curculiga orchioides</i> Gaertn.) thu hái tại Tây Nguyên	Phuong Thien Thương và cộng sự	Tạp chí Dược học 55(7), 54-63 (2015)
25	Phân tích đồng thời acid ferulic, scopoletin và xanthotoxin trong đương qui di thực bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao kết nối detector huỳnh quang (HPLC-FLD)	Phuong Thien Thương và cộng sự	Tạp chí Dược học 55(10), 54-58 (2015)

26	Nghiên cứu tác dụng giảm đau và chống viêm của cây gôi hạc	Phuong Thien Thương và cộng sự	Tạp chí Dược học 56(5) (2016)
27	Đánh giá chất lượng hồng hoa trồng tại Phú Thọ và Hà Nội	Phuong Thien Thương và cộng sự	Tạp chí Dược liệu 21(1-2), 44-49 (2016)
28	Thành phần hóa học của dịch chiết thủy phân phân trên mặt đất Dây thìa canh	Hoàng Minh Châu và cộng sự	Tạp chí dược liệu (2015)
29	Triterpene glycosides isolated from <i>Gymnema sylvestre</i> (Retz) R.Br.Ex Schult	Hoàng Minh Châu và cộng sự	Tạp chí dược liệu, bản tiếng Anh (2017)
30	Discrimination of different geographic varieties of <i>Gymnema sylvestre</i> , an anti-sweet plant used for the treatment of type 2 diabetes	Hoàng Minh Châu và cộng sự	Phytochemistry (2018)
31	Phương pháp tổng hợp exemestan từ hợp chất androsta-1,4-dien-3,17-dion	Trịnh Hiền Trung và cộng sự	Tạp chí Dược học 510, 35-38 (2018)
32	Extraction of Lycopene from Gac fruit (<i>Mormodica cochinchinensis</i> Spreng) and preparation of Nanolycopene	Trịnh Hiền Trung và cộng sự	Tạp chí Hóa học (2017)
33	Enhancing Solubility and Permeability of Andrographolide isolated from <i>Andrographis paniculata</i> through its self-emulsifying drug delivery system.	Trịnh Hiền Trung và cộng sự	Tạp chí Dược liệu (2016)

34	The biogenetic origin of the biologically active naematolin of <i>Hypholoma</i> species involves an unusual sesquiterpene synthase.	Đào Trọng Tuấn và cộng sự	Mol. Biotechnol. 2019, doi: 10.1007/s12033-019-00199-x.
35	Demethoxycurcumin is a potent inhibitor of P-type ATPases from diverse kingdoms of life	Đào Trọng Tuấn và cộng sự	PLoS One 2016, Vol.11, No.9, e0163260.
36	LEGO-inspired drug design: unveiling a class of benzo[d]thiazoles containing a 3,4-dihydroxyphenyl moiety as plasma membrane H ⁺ -ATPase inhibitors.	Đào Trọng Tuấn và cộng sự	Chem. Med. Chem. 2018, 13(1):37-47
37	C-methylated flavonoids from <i>Cleistocalyx operculatus</i> and their inhibitory effects on novel influenza A (H1N1) neuraminidase.	Đào Trọng Tuấn và cộng sự	Journal of Natural Products 2010, 73(10):1636-1642
38	Pterocarpan with inhibitory effects on Protein Tyrosine Phosphatase 1B (PTP 1B) from <i>Erythrina lysistemon</i> Hutch.	Đào Trọng Tuấn và cộng sự	Phytochemistry. 2009, 70(17):2053-2057
39	Antiviral phenolics from the leaves of <i>Cleistocalyx operculatus</i> .	Đào Trọng Tuấn và cộng sự	Fitoterapia, 110(1):135-141 (2016)

40	Fusaric acid and analogues as gram-negative bacterial quorum sensing inhibitors.	Đào Trọng Tuấn và cộng sự	<i>Eur. J. Med. Chem.</i> , 126:1011-1020 (2017)
41	LEGO-inspired drug design: unveiling a class of benzo[d]thiazoles containing a 3,4-dihydroxyphenyl moiety as plasma membrane H ⁺ -ATPase inhibitors.	Đào Trọng Tuấn và cộng sự	<i>Chem. Med. Chem.</i> , 13(1):37-47 (2018)
42	The biogenetic origin of the biologically active naematolin of <i>Hypholoma</i> species involves an unusual sesquiterpene synthase.	Đào Trọng Tuấn và cộng sự	<i>Mol. Biotechnol.</i> 61(10):754-762 (2019)
43	Further sesquiterpenoids from the rhizomes of <i>Homalomena occulta</i> and their anti-inflammatory activity.	Đào Trọng Tuấn và cộng sự	<i>Bioorg. Med. Chem. Lett.</i> , 29(10): 1162-1167 (2019)
44	Nghiên cứu tác dụng trên huyết áp, tần số tim động vật thực nghiệm và độc tính cấp của một số chế phẩm chế biến và bào chế từ phụ tử Sa Pa	Phùng Hòa Bình và cộng sự	Tạp chí Dược liệu – năm 2010
45	Chế biến hoặc phụ, bạch phụ và bào chế cao phụ tử ở quy mô pilot	Phùng Hòa Bình và cộng sự	Tạp chí dược học – năm 2010
46	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ và phương pháp sao đến thành phần Iridoid trong vị thuốc chi tử (<i>Semen Gardeniae augustae</i>)	Phùng Hòa Bình và cộng sự	Tạp chí dược học – năm 2010

47	Đánh giá tác động chống viêm thực nghiệm của cao đặc bào chế từ dịch chiết ethanol bài thuốc EZ	Phùng Hòa Bình và cộng sự	Tạp chí dược học – năm 2015
48	Tác dụng giảm ho, long đờm của cao đặc bài thuốc AZK trên mô hình thực nghiệm	Phùng Hòa Bình và cộng sự	Nghiên cứu dược và thông tin thuốc – năm 2017
49	Nghiên cứu tác dụng hạ acid uric máu và giảm đau của viên nang cứng Tam điều gia vị trên thực nghiệm	Phùng Hòa Bình và cộng sự	Tạp chí Dược học, Số: 524 - Tháng 12/2019 - Trang 59- 65
50	Nghiên cứu cao đặc phương thuốc Vị tràng an về tác dụng kháng khuẩn, chống viêm ở đại tràng thực nghiệm	Phùng Hòa Bình và cộng sự	Tạp chí Dược học, Số: 503 - Tháng 3/2018 - Trang 8-14
51	Nghiên cứu ảnh hưởng của viên nang mềm bào chế từ bài Đương quy bổ huyết gia phương trên người khỏe mạnh qua một số chỉ tiêu lâm sàng và cận lâm sàng	Phùng Hòa Bình và cộng sự	Tạp chí Dược học, Số: 496 - Tháng 8/2017 - Trang 77-80
52	Regulators of G protein Signaling (RGS) proteins (version 2019.4) in the IUPHAR/BPS Guide to Pharmacology Database	Phan Thị Như Hoa và cộng sự	IUPHAR/BPS Guide to Pharmacology CITE 2019.4 (2019)
53	Human Missense Mutations in Regulator of G Protein Signaling 2 Affect the Protein Function Through Multiple Mechanisms	Phan Thị Như Hoa và cộng sự	Molecular Pharmacology 92.4 (2017): 451-458

54	Loss-of-Function Mutations in Human Regulator of G Protein Signaling RGS2 Differentially Regulate Pharmacological Reactivity of Resistance Vasculature	Phan Thị Như Hoa và cộng sự	Molecular Pharmacology 96.6 (2019): 826-834
55	“Quality of life profile of general Vietnamese population using EQ-5D-5L”.	Lê Hoàng Ngọc Quỳnh	Health and Quality of life Outcomes. (SSCI, Q1)
56	Preference and willingness tu pay for nutritional counseling services in urban Hanoi.	Lê Hoàng Ngọc Quỳnh	2017, F1000Research. (Scopus, Q1)
57	Results of Early Warning Indicators for HIV/AIDS in 42 outpatient clics in 25 Northern provinces of Vietnam.	Lê Hoàng Ngọc Quỳnh	2017, F1000Research. (Scopus, Q1)
58	Concurrent drug use among methadone maintenance patients in mountainous areas in Northern Vietnam.	Lê Hoàng Ngọc Quỳnh	2017, BMJ Open. (SCIE, Q1)
59	Alcohol and tobacco use among methadone maintenance partients in Vietnamese rural mountainside areas.	Lê Hoàng Ngọc Quỳnh	Addictive Behavior Report. (Scopus Q2)
60	Đánh giá danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa Phố Nội năm 2003	Nguyễn Thị Thái Hằng và cộng sự	Tạp chí Y Dược học, ISSN 0866 – 7861, số 463, năm 2014, tr 15-19.

61	Mức phân bố quỹ khám chữa bệnh trong thanh toán bảo hiểm y tế	Nguyễn Thị Thái Hằng và Lê Mạnh Hùng	Tạp chí Y Dược học, ISSN 0866 – 7225, số 417, năm 2011, tr. 2-4, 55.
62	Bước đầu ứng dụng phương pháp tính điểm cổ phần có phần có phần mềm hỗ trợ trong đấu thầu thuốc tại bệnh viện Hữu nghị	Nguyễn Thị Thái Hằng và các cộng sự.	Tạp chí Y Dược học, ISSN 0866 – 7225, số 428, năm 2011, tr. 47 – 51, 30.
63	Microbial production of astilbin, a bioactive rhamnosylated flavanone, from taxifolin	Nguyễn Huy Thuần	<i>World Journal of Microbiology and Biotechnology</i> , 2017.
64	Synthesis of umbelliferone derivatives in <i>Escherichia coli</i> and their biological activities	Nguyễn Huy Thuần	<i>Journal of Biological Engineering</i> , 2017.
65	Methylation of flavonoids: chemical structures, bioactivities, progress and perspectives for biotechnological production	Nguyễn Huy Thuần	<i>Enzyme and Microbial Technology</i> , 2016.
66	<i>Saccharopolyspora</i> species: Laboratory Maintenance and Methods to Enhance Production of Secondary Metabolites	Nguyễn Huy Thuần	<i>Current Protocols in Microbiology</i> , 2016.
67	Tổng hợp morin-3-O-rhamnopyranoside ở vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> cải biến di truyền	Nguyễn Huy Thuần	<i>Tạp chí Công nghệ Sinh học (Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam)</i> , 2017.
68	Chemical Constituents from the Fruiting Bodies of <i>Hexagonia apiaria</i> and Their Anti-inflammatory Activity	Nguyễn Huy Hùng	<i>Journal of natural products</i> , 78(11), 2552-2558, 2015.

69	Volatile terpenes from essential oils of selected medicinal plants grown in Vietnam forest reserves	Nguyễn Huy Hùng	<i>Journal of herbs, spices & medicinal plants</i> , 21(4), 426-437, 2015.
70	The benefits of CDIO for ABET Preparation from a Hands-on Study in Vietnam	Trần Nhật Tân	2014, Proceedings of the 10th International CDIO Conference, Universitat politècnica de Catalunya, Barcelona, Spain.
71	Embedding design – build experiences into environmental engineering programs	Trần Nhật Tân	2016, Proceedings of the 10th International CDIO Conference, Turku University of Applied Sciences, Turku Finland
72	Showcase of an automatic assessment system for students' performance and accreditation	Trần Nhật Tân	2017, Proceedings of the 10th International CDIO Conference, University of Calgary, Calgary, Canada.

4.3. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và số lượng học viên có thể tiếp nhận

Số TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên	Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn học viên	Số lượng học viên có thể tiếp nhận
1	Nghiên cứu hiện đại hóa và thay đổi dạng bào chế, tiêu chuẩn của một số thuốc y học cổ truyền	PGS.TS. Phùng Hòa Bình	02
		PGS.TS. Bùi Hồng Cường	02
		TS Lê Thị Kim Vân	02
2	Nghiên cứu thành phần hóa học và tác dụng sinh học một số cây thuốc	PGS.TS Nguyễn Thị Bích Thu	02
		PGS. TS Phương Thiện Thương	02
		PGS.TS Đỗ Thị Hà	02
		PGS.TS Phạm Thị Nguyệt Hằng	02
		TS Phạm Văn Vượng	02
3	Nghiên cứu xây dựng quy trình chiết xuất một số hoạt chất từ dược liệu	TS Trịnh Hiền Trung	02
		TS. Lê Thành Nghị	02
		TS. Nguyễn Văn Tài	02
		TS. Nguyễn Văn Mạnh	02
4	Nghiên cứu tiêu chuẩn hóa dược liệu và các thuốc từ dược liệu	TS Đào Trọng Tuấn	02
		TS Trần Minh Ngọc	02
		TS Nguyễn Thị Phương	02
5	Nghiên cứu điều tra tài nguyên cây thuốc một số tỉnh miền Trung	PGS.TS Phạm Thanh Huyền	02
		TS Hoàng Minh Châu	02

V. HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và tạo điều kiện cho cán bộ, sinh viên trau dồi kiến thức, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, tiếp cận với những phương pháp giảng dạy hiện đại.

Trường đã đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế và ký kết hợp tác và chuyên giao 13 chương trình đào tạo tiên tiến thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế và chuyên giao công nghệ trong các lĩnh vực: CNTT, QTKD, Tài chính-Ngân hàng, Du lịch, Xây dựng và Kiến trúc, Điện – Điện tử với các trường uy tín của thế giới, có thể kể đến như: Đại học Carnegie Mellon, Đại học Penn State, Đại học Purdue, Đại học Carlifornia State Fullerton, Đại học Cal Poly, Trường Lorain County Community College (Hoa Kỳ), Trường Singapore Polytechnic (Singapore), Đại học Koblenz - Laudau (CHLB Đức), Đại học Dong - A (Hàn Quốc), Tổ chức Hỗ trợ Đại học thế giới Canada, Hội đồng Kế toán Vương quốc Anh, Tập đoàn Seires (Nhật Bản), Đặc biệt, Trường Đại học Duy Tân là đồng sáng lập Tổ chức Tổ chức Passage to Asian (P2A)¹; là đại diện vùng Châu Á của tổ chức CDIO thế giới và là thành viên chính thức của tổ chức PBL thế giới.

Nhằm đa dạng hoá các hình thức hợp tác quốc tế cũng như tạo cơ hội cho sinh viên được hưởng thụ nền giáo dục tiên tiến với chi phí thấp nhất, Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý cho phép triển khai các chương trình liên kết đào tạo quốc tế như: Liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Điều dưỡng với Đại học Fooyin – Đài Loan, liên kết đào tạo trình độ đại học dưới hình thức 1+1+2 với Trường Lorain, 2+2 với đại học Medaille và đại học Appalachian State – Hoa kỳ, 4+0 (du học tại chỗ) với đại học Troy - Hoa Kỳ; 3+1 với đại học Coventry - Vương quốc Anh.

Về lĩnh vực Dược, hiện có các hoạt động cụ thể sau:

- Tổ chức đoàn giảng viên sang tập huấn tại Trung tâm Wiser – Đại học Pittsburgh – Hoa Kỳ liên tục trong 2 năm 2018, 2019

- Tổ chức chương trình Tập huấn sử dụng mô phỏng trong Giảng dạy Kỹ năng Hiện Trường Đại học Duy Tân đã mở rộng hợp tác đào tạo với các trường có uy tín về nhóm ngành Khoa học sức khỏe. Trường đã có chương trình hợp tác với trường Fooyin University, Đài Loan để đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng tại đại học Duy Tân. Ngoài ra trường còn hợp tác với China Medical University (CMU) để đào tạo nghiên cứu sinh ngành Dược học. Hiện nay đã có giảng viên của Đại học Duy Tân theo học nghiên cứu sinh tại trường CMU.

¹ Tổ chức Passage to Asian (P2A) - mạng lưới kết nối các trường Đại học khu vực Châu Á.

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: Dược liệu – Dược học cổ truyền

Mã ngành: **8720206**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

1.1. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

Việc xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền dựa trên những văn bản sau đây:

- Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Căn cứ luật Giáo dục đại học sửa đổi số 34/2018 ngày 19/11/2018;

- Căn cứ quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Điều lệ trường đại học;

- Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Duy Tân;

- Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân;

- Căn cứ vào thông tư 15/2014//TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

- Căn cứ Quyết định số 7534/QĐ-UBND ngày 10/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công nhận Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 của Trường Đại học Duy Tân;

- Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-ĐHDT ngày 16/03/2020 của Chủ tịch hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn Duy Tân về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân;

- Căn cứ Quyết định số 83/TTg ngày 16/1/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép Trường Đại học Duy Tân đào tạo Sau đại học;

- Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của việc đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền.

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền nhằm đào tạo thạc sĩ có phẩm chất chính trị vững vàng; nắm bắt được những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Dược liệu – Dược học cổ truyền; đào tạo những thạc sĩ có trình độ sâu, rộng về lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập sáng tạo, có kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng được các công nghệ mới hiện đại trong lĩnh vực Dược nói chung và Dược liệu – Dược học cổ truyền nói riêng; và có tinh thần trách nhiệm, phát huy phẩm chất, y đức trong thực hành nghề nghiệp; có đủ trình độ tiếng Anh để sử dụng khi nghiên cứu và làm việc trong lĩnh vực Dược.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.2.1 Mục tiêu về kiến thức

- Cập nhật, mở rộng và nâng cao kiến thức về chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền đã được tích lũy ở bậc đại học; trang bị các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu rộng chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền.

- Trang bị kiến thức và nâng cao năng lực ứng dụng trong thực tiễn tổ chức thực hiện và thực hành sản xuất nguyên liệu, bán thành phẩm và thuốc có nguồn gốc thực phẩm.

- Trang bị kiến thức và nâng cao năng lực ứng dụng trong thực hiện công tác tiêu chuẩn hóa và đảm bảo chất lượng dược liệu, thuốc có nguồn gốc tự nhiên.

- Trang bị các kiến thức về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới trong lĩnh vực Dược nói chung và Dược liệu – Dược học cổ truyền nói riêng.

- Trang bị kiến thức về hướng dẫn sử dụng các dược liệu, thuốc có nguồn gốc tự nhiên an toàn, hợp lý, hiệu quả.

1.2.2.2 Mục tiêu về kỹ năng

Học viên tốt nghiệp chuyên ngành Dược liệu - Dược cổ truyền được nâng cao năng lực về lý thuyết phương pháp nghiên cứu khoa học, được trang bị đầy đủ công cụ

phục vụ nghiên cứu và phát triển, trang bị về khả năng độc lập nghiên cứu, về sáng tạo khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Dược.

- Nâng cao kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề liên quan đến Dược liệu – Dược cổ truyền.

- Phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập của học viên đối với các vấn đề về dược liệu như: chiết tách, phân lập các chất theo định hướng sinh học, điều chế cao định chuẩn, phân lập chất chuẩn từ dược liệu, xây dựng quy trình kiểm nghiệm,...

- Trang bị kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển các sản phẩm có nguồn gốc từ tự nhiên.

- Có kỹ năng Tiếng Anh ở mức có thể đọc hiểu, nắm vững các công việc liên quan đến ngành dược đào tạo và đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo ở trình độ thạc sĩ.

1.3. Chuẩn đầu ra

1.3.1. Về kiến thức

- a) Mô tả được các liên kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành nghiên cứu khoa học.
- b) Mô tả được quá trình thực hiện tự định hướng, học tập suốt đời.
- c) Mô tả được xu hướng và các tiến bộ trong nghiên cứu, sử dụng dược liệu và các hợp chất tự nhiên.
- d) Mô tả được các yêu cầu, nguyên tắc để đảm bảo chất lượng, sự ổn định của dược liệu và thuốc có nguồn gốc tự nhiên; các yêu cầu, nội dung thực hiện và cách thức tổ chức thực hiện GAP/GCP trong sản xuất dược liệu.
- e) Mô tả được các yêu cầu, nội dung và phương pháp xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, đánh giá tiêu chuẩn chất lượng cho dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu.
- f) Mô tả được các yêu cầu, nguyên tắc và phương pháp chiết xuất hiện đại để chiết các hoạt chất từ dược liệu, điều chế cao định chuẩn.
- g) Mô tả được các phương pháp phân tích hiện đại ứng dụng trong phân tích và phân lập các hợp chất tự nhiên.
- h) Mô tả được các đặc điểm phổ học (UV, IR, NMR, MS) ứng dụng trong xác định cấu trúc các hợp chất tự nhiên.

- i) Mô tả được các yêu cầu, tiêu chuẩn, cách thức tổ chức thực hiện các Thực hành tốt trong chiết xuất, điều chế các cao định chuẩn và sản xuất thuốc từ dược liệu.
- j) Mô tả được yêu cầu, định hướng và phương pháp luận trong nghiên cứu một dược liệu và phát triển thuốc từ dược liệu.
- k) Mô tả được các nội dung cơ bản của dược lý dược liệu và các nhóm dược liệu có tác dụng trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe và điều trị; các ứng dụng của dược liệu trong mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.
- l) Mô tả được các nguyên lý học thuyết âm dương, ngũ hành áp dụng trong lập phương, phối ngũ, chế biến và sử dụng thuốc Đông y và ứng dụng trong sơ chế, bào chế các vị thuốc cổ truyền.

1.3.2. Về kỹ năng

Kỹ năng chuyên môn

- a) Lòng ghép các hoạt động liên ngành và giao tiếp cần thiết trong xây dựng đề cương nghiên cứu về vấn đề thuộc chuyên ngành.
- b) Phát hiện được vấn đề nghiên cứu thường gặp/ phổ biến trong chuyên ngành.
- c) Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học đã được huấn luyện vào viết đề cương nghiên cứu luận văn thạc sĩ/ nghiên cứu.
- d) Xây dựng được câu hỏi nghiên cứu sát hợp giả thuyết nghiên cứu
- e) Xây dựng được thiết kế nghiên cứu sát hợp câu hỏi nghiên cứu để giải quyết các vấn đề của chuyên ngành
- f) Hình thành được kỹ năng đánh giá bài báo nghiên cứu thuộc chuyên ngành
- g) Xây dựng được đề cương nghiên cứu sát hợp với các thiết kế nghiên cứu thường gặp
- h) Tiến hành một cách độc lập phân tích, đánh giá dữ liệu, kết quả nghiên cứu với các phương pháp đã được huấn luyện
- i) Tiến hành được nghiên cứu độc lập hay kết hợp với các chuyên ngành khác về các vấn đề sức khỏe thường gặp – bệnh thường gặp.
- j) Thành thạo các thao tác sử dụng các dụng cụ, thiết bị hiện đại sử dụng cho việc chiết tách và kiểm nghiệm dược liệu.
- k) Thành thạo các phương pháp kiểm nghiệm hiện đại, áp dụng cho cho dược liệu và thuốc từ dược liệu.

- l) Chiết xuất và tinh chế được các nhóm hợp chất chính trong dược liệu.
- m) Xác định được cấu trúc một số hợp chất tự nhiên bằng phối hợp các phương pháp phổ học (UV, IR, NMR, MS).
- n) Thực hiện được các nghiên cứu về dược liệu như: chiết tách, phân lập các chất theo định hướng sinh học; theo dõi động thái các chất trong cây thuốc; điều chế cao định chuẩn; điều chế chất chuẩn từ dược liệu; xây dựng quy trình kiểm nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật cho dược liệu và các chế phẩm từ dược liệu...
- o) Hướng dẫn sử dụng an toàn, hiệu quả các vị thuốc và thuốc dược liệu cho người sử dụng.

Quản lý nghiên cứu

- p) Xây dựng được kỹ năng viết đề cương xin tài trợ nghiên cứu các cấp Sở, Tỉnh, Bộ, Quốc tế
- q) Xây dựng được kỹ năng lập kế hoạch - thực hiện nghiên cứu các cấp Sở, Tỉnh, Bộ, Quốc tế
- r) Xây dựng kỹ năng phát triển, tiến hành giám sát nghiên cứu trong các lãnh vực thường gặp của chuyên ngành
- s) Xây dựng được kỹ năng độc lập viết báo cáo khoa học/ bài báo khoa học/ bài trình bày hội nghị khoa học cấp Sở, Tỉnh, Bộ, Quốc tế
- t) Tiến hành giám sát được dự án nghiên cứu theo đúng yêu cầu ở trình độ thạc sĩ.

1.3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- a) Tuân thủ các nguyên tắc y đức trong thực hiện nghiên cứu.
- b) Thực hiện đúng 12 điều đạo đức của người cán bộ y tế và 10 điều đạo đức của người hành nghề dược.
- c) Thực hành nghề nghiệp theo đúng quy chế, quy định, quy trình chuyên môn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật.
- d) Không ngừng học tập nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ.
- e) Có thái độ đúng đắn về sử dụng dược liệu và thuốc có nguồn gốc tự nhiên trong chăm sóc sức khỏe, phòng và chữa bệnh; trong phối hợp đông và tây y; có trách nhiệm và chịu trách nhiệm nghề nghiệp trong lĩnh vực hoạt động.
- f) Trung thực, khách quan, công bằng, trách nhiệm, đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.

1.4. Vị trí và khả năng việc làm sau khi tốt nghiệp:

Học viên có khả năng đáp ứng yêu cầu công việc tại các vị trí sau:

- Nhân viên/ chuyên viên/ cán bộ quản lý tại các công ty sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, hoá thực phẩm trong các bộ phận như Nghiên cứu phát triển, Đảm bảo chất lượng, Kiểm nghiệm và Sản xuất thuốc từ dược liệu.

- Chuyên viên tại các cơ sở nuôi trồng dược liệu: Bộ phận Nghiên cứu, đảm bảo chất lượng.

- Chuyên viên tại các cơ quan quản lý nhà nước về y tế.

- Nhân viên/ chuyên viên/ cán bộ quản lý các công kinh doanh dược liệu và dược phẩm.

- Giảng viên, giảng viên chính, nghiên cứu viên tại các Trường, Viện nghiên cứu về dược liệu, dược học cổ truyền hoá học các hợp chất tự nhiên.

- Nhân viên/ cán bộ quản lý tại khoa dược bệnh viện, đặc biệt mảng liên quan tới y dược học cổ truyền.

1.5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	62 tín chỉ , trong đó:
- Khối kiến thức chung (bắt buộc):	11 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở ngành:	16 tín chỉ
+ Bắt buộc:	5 môn với 10 <i>tín chỉ</i>
+ Lựa chọn:	3/5 môn với 6 <i>tín chỉ</i>
- Khối kiến thức chuyên ngành:	20 tín chỉ
+ Bắt buộc:	4 môn với 10 <i>tín chỉ</i>
+ Lựa chọn:	5/8 môn với 10 <i>tín chỉ</i>
- Luận văn thạc sĩ:	15 tín chỉ

II. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

2.1. Kế hoạch tuyển sinh

2.1.1. Phương án tuyển sinh

- Hình thức tuyển sinh: thi tuyển

- Môn thi Cơ bản: **Hóa hữu cơ**
- Môn thi Cơ sở: Tích hợp kiến thức môn **Hóa dược – Dược lý**
- Môn Ngoại ngữ: **Tiếng Anh**

- Số lần tuyển sinh trong năm: 1-2 lần/năm

- Số lượng học viên: Từ 20 - 50 học viên/năm, các năm sau tăng từ 15 - 20% số học viên/năm

2.1.2. Đối tượng tuyển sinh, yêu cầu đối với người dự tuyển

2.1.2.1. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a. Về văn bằng: Có bằng tốt nghiệp đại học Dược được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp
- b. Có đủ sức khỏe để học tập.
- c. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của trường Đại học Duy Tân.
- d. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án dân sự

2.1.2.2. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ đăng ký dự thi:

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu).
2. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) dán ảnh cá nhân có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú (đối với người chưa có việc làm)
3. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa cấp tỉnh, thành phố.
4. Quyết định tiếp nhận hoặc điều động công tác để xét về đối tượng ưu tiên, bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền các loại giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
5. Một bản sao có công chứng hoặc nơi cấp sao y bằng tốt nghiệp đại học.
6. Chứng chỉ miễn ngoại ngữ (nếu có).

7. Hai phong bì có dán tem ghi địa chỉ liên lạc của thí sinh. Hai ảnh 4x6 chụp chân dung trong thời gian 1 năm tính đến ngày dự thi, ghi họ tên, ngày sinh, nơi sinh ở mặt sau ảnh.

a. Thí sinh nộp Hồ sơ đăng ký dự thi cho cơ sở đào tạo chậm nhất là 30 ngày trước ngày thi môn đầu tiên.

b. Cơ sở đào tạo lập danh sách thí sinh dự thi, làm thẻ dự thi, gửi giấy báo thi cho thí sinh chậm nhất 15 ngày trước ngày thi môn đầu tiên.

2.1.2.3 Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2.1.2.4. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định của Quy chế này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi hoặc kiểm tra quy định tại, do cơ sở đào tạo quy định.

2.1.2.5. Thi tuyển sinh

1. Thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức vào tháng 07 và tháng 12 hàng năm.

2. Các môn thi tuyển:

a. Môn ngoại ngữ trong thi tuyển là tiếng Anh, (dạng thi viết), thời gian làm bài 150 phút.

b. Môn cơ bản, môn cơ sở:

- Môn cơ bản: Hóa hữu cơ cho Dược theo chương trình học tại Đại học Duy Tân, thời gian làm bài 150 phút

- Môn cơ sở: Tích hợp kiến thức môn Hóa dược - Dược lý, thời gian làm bài 150 phút.

c. Thí sinh trúng tuyển phải đạt điểm 5 trở lên (thang điểm 10) ở các môn thi cơ bản, cơ sở.

2.1.2.6 Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

- Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

- Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi, kiểm tra của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được thủ trưởng cơ sở đào tạo căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

2.1.3. Luận văn, điều kiện bảo vệ luận văn

2.1.3.1 Đề tài luận văn

a) Đề tài luận văn thạc sĩ là một chuyên đề khoa học, kỹ thuật hoặc quản lý do trưởng đơn vị chuyên môn công bố hoặc do học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn đồng ý và hội đồng chuyên ngành thông qua;

b) Thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định giao đề tài cho học viên và cử người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 6 tháng, trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị chuyên môn và trưởng đơn vị quản lý đào tạo sau đại học;

c) Việc thay đổi đề tài trước khi tổ chức bảo vệ luận văn do thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định, trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, được người hướng dẫn và trưởng đơn vị chuyên môn đồng ý. Việc thay đổi đề tài trong những trường hợp khác do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định.

2.1.3.2. Yêu cầu đối với luận văn:

a) Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo;

b) Luận văn của chương trình theo định hướng ứng dụng là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

c) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

d) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

đ) Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể cách thức trình bày luận văn theo yêu cầu của từng ngành, chuyên ngành đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến luận văn.

2.1.3.3. Hướng dẫn luận văn

a) Mỗi luận văn có một hoặc hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai;

b) Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tối đa 7 học viên; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư được hướng dẫn tối đa 5 học viên; người có học vị tiến sĩ từ 1 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 3 học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác;

c) Riêng đối với luận văn thuộc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng thì người hướng dẫn thứ hai có thể là người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài; được hướng dẫn tối đa 2 học viên trong cùng thời gian, tính trong tất cả các cơ sở đào tạo có tham gia hướng dẫn.

2.1.3.4. Điều kiện bảo vệ luận văn:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

b) Đạt trình độ ngoại ngữ do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II);

c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

2.1.3.5. Hội đồng đánh giá luận văn

- Hội đồng đánh giá luận văn do thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị chuyên môn và trưởng đơn vị quản lý đào tạo sau đại học, trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày học viên nộp luận văn và đủ điều kiện bảo vệ.

- Hội đồng đánh giá luận văn có năm thành viên, gồm: chủ tịch, thư ký, hai phản biện và ủy viên. Hội đồng có tối thiểu hai thành viên ở ngoài cơ sở đào tạo, thuộc hai đơn vị khác nhau; trong đó, ít nhất có một người là phản biện.

- Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá luận văn:

a) Các thành viên hội đồng là những người có học vị tiến sĩ từ 2 năm trở lên hoặc có chức danh phó giáo sư, giáo sư cùng ngành, chuyên ngành đào tạo với học viên, am hiểu lĩnh vực của đề tài luận văn.

Đối với luận văn định hướng ứng dụng, trong số các thành viên hội đồng ngoài cơ sở đào tạo phải có tối thiểu một người đang làm công tác thuộc lĩnh vực của đề tài. Trường hợp không có người đang làm công tác thực tế đủ tiêu chuẩn thành viên hội đồng theo quy định trên thì có thể mời người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài tham gia là ủy viên hội đồng;

b) Chủ tịch hội đồng là người có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng;

c) Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài luận văn.

d) Người hướng dẫn luận văn; người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ luận văn không tham gia hội đồng;

đ) Thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn theo quy định tại Khoản 1, Điều 29 Quy chế này.

- Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 60 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận văn trong các trường hợp sau: Vắng mặt chủ tịch hoặc thư ký hội đồng; vắng mặt người có ý kiến không tán thành luận văn; vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

Trong trường hợp có lý do khách quan, thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều này và thời hạn tổ chức họp hội đồng đánh giá luận văn được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng.

2.1.3.6. Đánh giá luận văn

- Luận văn được đánh giá công khai tại phiên họp của hội đồng (trừ một số đề tài thuộc lĩnh vực bảo mật theo quy định của cơ quan có thẩm quyền). Hội đồng tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu đối với luận văn theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy chế này; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

- Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong

buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

- Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để bảo vệ lần thứ hai trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bảo vệ luận văn lần thứ nhất; không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba. Nếu học viên có nguyện vọng thì thủ trưởng cơ sở đào tạo giao đề tài mới. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn không đạt yêu cầu.

Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết việc đánh giá luận văn; hồ sơ, thủ tục buổi bảo vệ luận văn; yêu cầu đối với bản nhận xét luận văn, phiếu chấm điểm của thành viên hội đồng, biên bản buổi bảo vệ và hướng dẫn các thành viên trong hội đồng thực hiện.

2.1.4. Tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ, giấy chứng nhận

1. Điều kiện tốt nghiệp:

a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định tại Mục 2.1.3

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định;

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của cơ sở đào tạo quy định

e) Không nợ học phí và các khoản phí, lệ phí theo quy định của Trường.

2. Hội đồng xét tốt nghiệp do thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị quản lý đào tạo sau đại học. Hội đồng do thủ trưởng cơ sở đào tạo hoặc cấp phó được ủy quyền của thủ trưởng cơ sở đào tạo làm chủ tịch, trưởng đơn vị quản lý đào tạo sau đại học làm uỷ viên thường trực, các uỷ viên là trưởng đơn vị chuyên môn có học viên tốt nghiệp, đại diện thanh tra đào tạo và đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo (nếu có). Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để

xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị thủ trưởng cơ sở đào tạo công nhận tốt nghiệp.

3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo ra Quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và bảng điểm cho học viên theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp.

4. Bảng điểm cấp cho học viên phải ghi rõ: ngành, chuyên ngành đào tạo, loại chương trình đào tạo (định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng), tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung các học phần, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách thành viên hội đồng đánh giá luận văn.

5. Bằng tốt nghiệp tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Nếu học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật buộc thôi học, đã hết thời gian đào tạo theo quy định, có yêu cầu thì được Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

2.2. Kế hoạch đào tạo

2.2.1. Thời gian đào tạo toàn khóa học:

Chương trình Thạc sĩ Dược liệu - Dược học cổ truyền được đào tạo theo tín chỉ. Thời gian đào tạo 02 năm tập trung liên tục.

2.2.2. Khung kế hoạch đào tạo (dự kiến)

Khung kế hoạch đào tạo dự kiến được mô tả ở bảng sau

Khung kế hoạch đào tạo (dự kiến)

TT	Mã Học phần		Tên học phần	Số Tín Chỉ	Cụ Thể		HỌC KỲ			
	Chữ	số			Lý thuyết	Thực hành, Thảo luận	1	2	3	4
A	KIẾN THỨC CHUNG			11	9	2				
1	PHI	550	Triết học	3	3		X			
2	ENG	601	Anh văn	3	3		X			
3	ENG	602	Anh văn chuyên ngành	3	2	1		X		
4	PHI	600	Phương pháp luận NCKH	2	1	1	X			
B	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			16						
I	Học phần bắt buộc			10	7,5	2,5				
1	SOC	610	Đạo đức trong hành nghề Dược	2	1,5	0,5	X			
2	PHC	624	Phân tích dụng cụ	2	1,5	0,5	X			
3	PHC	605	Sinh dược học bào chế	2	1,5	0,5	X			
4	STA	675	Thống kê sinh học	2	1,5	0,5	X			
5	PHM	600	Một số mô hình dược lý đánh giá tác dụng và độc tính của thuốc	2	1,5	0,5		X		

II	Học phần tự chọn (Chọn 3/5 học phần)			6	4,5	1,5			
1	PHM	623	Cảnh giác Dược và thông tin thuốc	2	1,5	0,5		X	
2	MED	614	Hóa trị liệu	2	1,5	0,5		X	
3	PHC	664	Bào chế hiện đại	2	1,5	0,5		X	
4	BIO	670	Công nghệ sinh học trong Y Dược	2	1,5	0,5		X	
5	CHE	600	Chất chống oxy hóa nguồn gốc tự nhiên	2	1,5	0,5		X	
C	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			20					
I	Học phần bắt buộc			10	7,0	3,0			
1	CHE	621	Hóa học các hợp chất tự nhiên	2	1,5	0,5		X	
2	PHC	665	Xây dựng tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm dược liệu, thuốc dược liệu	3	2,0	1,0		X	
3	MCC	610	Sử dụng thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu an toàn, hiệu quả	2	1,5	0,5			X
4	CHE	701	Phương pháp chiết xuất, phân lập các hợp chất tự nhiên	3	2,0	1,0			X

II	Học phần tự chọn (Chọn 5/8 học phần)			10	7,5	2,5				
1	MCC	711	Chế biến thuốc cổ truyền	2	1,5	0,5				X
2	MCC	712	GACP cây thuốc	2	1,5	0,5				X
3	MCC	713	Phương pháp phân loại thực vật	2	1,5	0,5				X
4	MCC	714	Thiết kế phương thuốc	2	1,5	0,5				X
5	CHE	715	Một số phương pháp chiết xuất hiện đại	2	1,5	0,5				X
6	CHE	716	Các phương pháp phổ ứng dụng trong nghiên cứu dược liệu	2	1,5	0,5				X
7	MCC	717	Dược liệu từ sinh vật biển	2	1,5	0,5				X
8	MCC	718	Tài nguyên cây thuốc	2	1,5	0,5				X
D	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			15						X
TỔNG SỐ TÍN CHỈ				62	35,5	11,5	16	16	15	15

- Danh sách cán bộ tham gia giảng dạy các học phần lý thuyết:

Đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu của Trường, giảng viên thỉnh giảng tham gia đào tạo cao học chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền được thể hiện tại bảng sau:

TT	Mã Học phần		Tên học phần	Số Tín Chỉ	Cụ Thể		GV giảng dạy
	Chữ	số			Lý thuyết	Thực hành, Thảo luận	
A	KIẾN THỨC CHUNG			11	9	2	
1	PHI	550	Triết học	3	3		- PGS.TS Nguyễn Tấn Hùng (ĐH Duy Tân)
2	ENG	601	Anh văn	3	3		- Ths.Trương Thị Huệ (ĐH Duy Tân)
3	ENG	602	Anh văn chuyên ngành	3	2	1	- Ths.Trương Thị Huệ (ĐH Duy Tân)
4	PHI	600	Phương pháp luận NCKH	2	1	1	- TS. Trần Nhật Tân (ĐH Duy Tân)
B	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			16			
I	Học phần bắt buộc			10	7,5	2,5	
1	SOC	610	Đạo đức trong hành nghề Dược	2	1,5	0,5	-PGS.TS Nguyễn Thị Thái Hằng (ĐH Duy Tân)

2	PHC	624	Phân tích dụng cụ	2	1,5	0,5	- TS Trần Minh Ngọc (Cục quản lý Y Dược cổ truyền) - ThS. Nguyễn Thị Thùy Trang (ĐH Duy Tân)
3	PHC	605	Sinh dược học bào chế	2	1,5	0,5	- TS. Hoàng Minh Châu -NCS. Dương Thị Thuần (ĐH Duy Tân)
4	STA	675	Thống kê sinh học	2	1,5	0,5	- TS. Nguyễn Đức Hiền (ĐH Duy Tân)
5	PHM	600	Một số mô hình dược lý đánh giá tác dụng và độc tính của thuốc	2	1,5	0,5	- TS Lê Hoàng Ngọc Quỳnh - TS Phan Thị Như Hoa (ĐH Duy Tân)
II	Học phần tự chọn (Chọn 3/6 học phần)			6	4,5	1,5	
1	PHM	623	Cảnh giác Dược và thông tin thuốc	2	1,5	0,5	- TS Lê Hoàng Ngọc Quỳnh - ThS Nguyễn Thị Cẩm Nhung (ĐH Duy Tân)

2	MED	614	Hóa trị liệu	2	1,5	0,5	- TS Trịnh Hiền Trung (ĐH Duy Tân)
3	PHC	664	Bào chế hiện đại	2	1,5	0,5	- TS Hoàng Minh Châu (ĐH Duy Tân)
4	BIO	670	Công nghệ sinh học trong Y Dược	2	1,5	0,5	- TS Nguyễn Huy Thuần (ĐH Duy Tân)
5	CHE	600	Chất chống oxy hóa nguồn gốc tự nhiên	2	1,5	0,5	- TS Đào Trọng Tuấn (ĐH Duy Tân)
C	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			20			
I	Học phần bắt buộc			10	7,0	3,0	
1	CHE	621	Hóa học các hợp chất tự nhiên	2	1,5	0,5	- PGS.TS Phương Thiện Thương - ThS Nguyễn Thị Thu (ĐH Duy Tân)
2	PHC	665	Xây dựng tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm dược liệu, thuốc dược liệu	3	2,0	1,0	- PGS.TS Nguyễn Thị Bích Thu - ThS Hoàng Thị Vân (ĐH Duy Tân)

3	MCC	610	Sử dụng thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu an toàn, hiệu quả	2	1,5	0,5	- PGS.TS Phùng Hòa Bình (ĐH Duy Tân)
4	CHE	701	Phương pháp chiết xuất, phân lập các hợp chất tự nhiên	3	2,0	1,0	- TS Đào Trọng Tuấn - ThS Nguyễn Thị Thúy An (ĐH Duy Tân)
II	Học phần tự chọn (Chọn 5/8 học phần)			10	7,5	2,5	
1	MCC	711	Chế biến thuốc cổ truyền	2	1,5	0,5	- PGS.TS Phùng Hòa Bình - ThS Hà Văn Huân (ĐH Duy Tân)
2	MCC	712	GACP cây thuốc	2	1,5	0,5	- PGS.TS Phạm Thanh Huyền (Viện dược liệu)
3	MCC	713	Phương pháp phân loại thực vật	2	1,5	0,5	- PGS.TS Đỗ Thu Hà (ĐH Duy Tân)
4	MCC	714	Thiết kế phương thuốc	2	1,5	0,5	- PGS.TS Phùng Hòa Bình (ĐH Duy Tân)
5	CHE	715	Một số phương pháp chiết xuất hiện đại	2	1,5	0,5	- PGS.TS Nguyễn Thị Bích Thu - TS Đào Trọng Tuấn (ĐH Duy Tân)

6	CHE	716	Các phương pháp phổ ứng dụng trong nghiên cứu dược liệu	2	1,5	0,5	- TS Trịnh Hiền Trung (ĐH Duy Tân)
7	MCC	717	Dược liệu từ sinh vật biển	2	1,5	0,5	- PGS.TS Phương Thiện Thương (ĐH Duy Tân)
8	MCC	718	Tài nguyên cây thuốc	2	1,5	0,5	- PGS.TS Phạm Thanh Huyền (Viện dược liệu)
D	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			15			
TỔNG SỐ TÍN CHỈ				62	35,5	11,5	

2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

- **Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên:** Nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và tăng quy mô tuyển sinh, trường Đại học Duy Tân đã quyết định cử nhiều giảng viên đi học Nghiên cứu sinh tại các trường trong và ngoài nước. Hiện trường có 01 thạc sĩ Dược đang làm Nghiên cứu sinh ngành Dược học tại trường CMU, 1 thạc sĩ Dược đang làm nghiên cứu sinh tại trường Đại học Dược Hà Nội. Đồng thời, trường có chế độ đãi ngộ để thu hút nhiều tiến sĩ ngành Dược hoặc ngành gần về nghiên cứu, giảng dạy và quản lý tại khoa Dược trường Đại học Duy Tân. Ngoài ra, trường tạo điều kiện cho giảng viên khoa Dược tham gia các cuộc hội thảo quốc tế về lĩnh vực Dược.

- **Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất:** Cơ sở vật chất của Trường luôn nhận được sự quan tâm đầu tư của Hội đồng trường (HĐT) và Ban Giám hiệu (BGH). Hiện tại, Trường đang tổ chức thiết kế và thi công 02 công trình trọng điểm: Tòa nhà 20 tầng tại số 03 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng; Quy hoạch và xây dựng các công trình cơ bản tại Khu 30ha... Ngoài ra, để hiện đại hóa công tác quản lý và đào tạo theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập, HĐT và BGH đã tăng cường mua sắm thêm các thiết bị vật tư mới, trang bị các phòng lab hiện đại phục vụ cho nhu cầu học tập thường xuyên của người học. Trường Đại học Duy Tân thường xuyên và liên tục bổ sung, tăng cường thêm các điều kiện về cơ sở vật chất nhằm mang lại một môi trường học tập tốt nhất cho học viên, sinh viên. Sau hơn 25 năm hình thành và phát triển, Trường được xã hội và người học đánh giá là một trong những trường có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, tốt nhất tại khu vực miền Trung và cả nước.

- **Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo:** Nhận biết được vai trò của hợp tác quốc tế đối với sự phát triển của nhà trường, vì vậy HĐT và BGH đã có sự quan tâm và đầu tư đúng mức nhằm tăng cường khả năng hội nhập với khu vực và thế giới. Kể từ năm 1998 Ban Giám hiệu đã sang thăm và tìm hiểu tổ chức của các trường Đại học Trung Quốc và thiết lập mối quan hệ quốc tế với các tổ chức giáo dục Đài Loan, Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore, Malaysia. Đặc biệt, trường xây dựng quan hệ với nhiều trường đại học Mỹ: Trường Carnegie Mellon, Penn State và Carlifornia State. Tổ chức các đoàn giảng viên sang tập huấn tại Trường Carnegie Mellon, Penn State và Carlifornia State. Trường đã ký kết MOU với nhiều trường đại học nước ngoài, trong đó có nhiều trường rất nổi tiếng như Carnegie Mellon, Seattle Pacific (USA), AIT,

Phranakhon Rajabhat, Rangsit (Thái), Singapore Polytechnic (Singapore). Riêng trong 2 năm 2015, 2016 và nửa đầu năm 2017 số lượng đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc với trường có hơn 50 đoàn chủ yếu là các trường đại học từ Thái Lan, Úc, Singapore, Hoa Kỳ.

Để tăng cường sức mạnh hội nhập quốc tế, phát triển thương hiệu, trường Đại học Duy Tân đã ký hợp tác đào tạo du học tại chỗ với trường Đại học Troy, trường Đại học Keuka,... Hiện trường đã tiếp nhận nhiều sinh viên đến từ các nước Thụy Sĩ, Hoa Kỳ, Đài Loan, Lào... đến học chuyên ngành, học tiếng Việt và văn hóa Việt Nam. Trường cũng đã tổ chức nhiều Hội thảo khoa học quốc tế, quốc gia với hàng trăm lượt chuyên gia, các nhà nghiên cứu hàng đầu có uy tín đến chia sẻ giao lưu, trao đổi học thuật với học viên và sinh viên toàn trường.

Hiện Trường Đại học Duy Tân đã mở rộng hợp tác đào tạo với các trường có uy tín về nhóm ngành Khoa học sức khỏe. Trường đã có chương trình hợp tác với trường Fooyin University, Đài Loan để đào tạo Thạc sĩ Điều dưỡng tại đại học Duy Tân. Ngoài ra trường còn hợp tác với China Medical University (CMU) để đào tạo nghiên cứu sinh ngành Dược học. Hiện nay đã có giảng viên của Đại học Duy Tân theo học nghiên cứu sinh tại trường CMU

Trong thời gian sắp đến, trường sẽ tổ chức nhiều hoạt động về hợp tác quốc tế, mở rộng trao đổi giảng viên, sinh viên, tham gia giảng dạy, xây dựng chương trình đào tạo... Bên cạnh đó, trường sẽ tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Dược nói riêng và khoa học sức khỏe nói chung nhằm tăng cường nâng cao chuyên môn, học thuật của đội ngũ giảng viên và sinh viên.

- Kế hoạch hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng: Với phương châm “Tất cả vì quyền lợi học tập và việc làm của người học”, trường Đại học Duy Tân luôn tiên phong trong công tác phối hợp đào tạo và giới thiệu việc làm cho sinh viên, học viên toàn trường. Hiện tại, trường đã thành lập Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp và chuyển giao công nghệ, chuyên trách việc lập kế hoạch và tham mưu cho HĐQT & BGH về quá trình phát triển quan hệ doanh nghiệp. Trường cũng đã phối hợp với nhiều đơn vị trong và ngoài nước tổ chức các chương trình giao lưu, ký kết hợp tác đào tạo với Nhà trường. Hàng năm, nhà trường tổ chức Hội chợ việc làm thu hút hàng ngàn người quan tâm, đã có nhiều sinh viên tìm được việc làm sau khi tham gia hội chợ việc làm. Bên

cạnh đó, các đơn vị trong toàn trường, đặc biệt là các Khoa, phòng ban liên quan cũng đã xây dựng kế hoạch theo tháng, theo quý nhằm tăng cường khả năng quan hệ doanh nghiệp nhằm đưa học viên, sinh viên đi thực tập, thực tế, phối hợp đào tạo và NCKH. Theo quy định của BGH, mỗi giảng viên trường Đại học Duy Tân phải tham gia làm việc và học tập, thực hành thực tế tại doanh nghiệp 10 ngày/năm; phải có quan hệ doanh nghiệp và giới thiệu việc làm cho người học sau tốt nghiệp; chấm điểm thi đua và khen thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác quan hệ doanh nghiệp.

Trong thời gian tới, HĐT & BGH đã xây dựng kế hoạch cụ thể về việc khảo sát, cung cấp thông tin về hoạt động quan hệ doanh nghiệp. BGH đã chỉ đạo trực tiếp cho các đơn vị trong toàn trường lập kế hoạch cụ thể với doanh nghiệp trong đào tạo, chuyển giao công nghệ, yêu cầu các Khoa xây dựng đề án năng lực để chào hàng với các doanh nghiệp trong NCKH, đào tạo và thiết lập mối quan hệ chặt chẽ lâu dài. Nhà trường luôn xác định việc làm của người học sau tốt nghiệp là mấu chốt để nâng cao uy tín của nhà trường, do đó HĐQT & BGH thường xuyên đôn đốc, quan tâm hết sức đến mảng hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp.

Hiện tại, trường đang hợp tác với nhiều doanh nghiệp Dược và Bệnh viện trong khu vực để cho học viên, sinh viên đi thực tế như: Công ty Dược Traphaco, Công ty CP Dược phẩm Nam Hà, công ty Dược Lâm Đồng, các bệnh viện Y học cổ truyền miền Trung – Tây Nguyên (BV YHCT Đà Nẵng, Bệnh viện Y học cổ truyền Thừa Thiên Huế, ...), Trung tâm Kiểm nghiệm Đà Nẵng, Viện Dược liệu, Viện nghiên cứu khoa học Miền Trung.

- **Mức học phí:** Trường Đại học Duy Tân tổ chức thu học phí theo quy định của HĐQT & BGH, mức học phí này tương xứng với việc tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho người học.